



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 10/2025
Từ 17/3- 21/3/2025

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẮT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
[HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN](http://www.moha.gov.vn)

TỔNG BÍ THƯ:

**SẮP XẾP LẠI BỘ MÁY, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
LÀ CƠ HỘI ĐỂ SÀNG LỌC CÁN BỘ**

Theo Tổng Bí thư, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp là cơ hội để chúng ta sàng lọc đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.



Tổng Bí thư Tô Lâm. (Ảnh: VGP)

Quan điểm trên được Tổng Bí thư Tô Lâm đề cập khi phát biểu kết luận cuộc làm việc với Tiểu ban Kinh tế - xã hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào ngày 17/3/2025, theo Báo điện tử Chính phủ.

Đề cập đến vấn đề thể chế, Tổng Bí thư nhận định, đây là điểm nghẽn; đang từng bước tháo gỡ những rào cản, khó khăn, vướng mắc của thể chế để tạo nền tảng phát triển. Việc xây dựng, ban hành pháp luật phải theo tình hình thực tiễn, không để tình trạng chờ luật, chờ cơ chế dẫn đến chậm trễ, mất cơ hội.

Tổng Bí thư cho rằng phải nghiên cứu để cải cách mạnh mẽ hơn nữa quy trình ban hành chính sách nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển. Đồng thời, phải xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí thấp và thúc đẩy cuộc cách mạng trong lĩnh vực này.

Mục tiêu đặt ra là đưa Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong cải cách hành chính, khởi nghiệp sáng tạo và tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng.

Tổng Bí thư cũng nhấn mạnh một khía cạnh quan trọng khác của thể chế là phải quan tâm việc thực thi chính sách của đội ngũ cán bộ. Theo đó, cần nghiên cứu các giải pháp để đảm bảo thực thi chính sách một cách đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ có tinh thần chủ động, tận tâm phục vụ người dân và doanh nghiệp.

“Sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp là cơ hội để chúng ta sàng sàng lọc lại đội ngũ cán bộ, xây dựng đội ngũ thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn tới. Chúng ta phải biến thể chế từ điểm nghẽn trở thành lợi thế cạnh tranh.

Phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiềm năng con người Việt Nam không thua kém bất cứ một dân tộc nào trên thế giới, cần nghiên cứu để có giải pháp mạnh mẽ hơn nữa, đột phá hơn nữa”, Tổng Bí thư nêu.

Cơ bản nhất trí với dự thảo, Tổng Bí thư Tô Lâm lưu ý kinh tế - xã hội là vấn đề rất rộng, khó, chuyên môn sâu và thay đổi rất nhanh, cần được bổ sung, cập nhật thường xuyên.

“Nếu Báo cáo Chính trị là ngọn đuốc soi đường thì Báo cáo Kinh tế - xã hội là cẩm nang hành động để chúng ta thực hiện được các mục tiêu đề ra”, Tổng Bí thư nhấn mạnh.

Về những định hướng bổ sung, cập nhật và hoàn thiện dự thảo Báo cáo Kinh tế - xã hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tổng Bí thư gợi mở cần tiếp tục nghiên cứu các vấn đề mới để thực hiện những chủ trương tiếp tục tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, sáp nhập số tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập số xã.

“Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề điều chỉnh địa giới hành chính mà còn là vấn đề điều chỉnh không gian kinh tế, điều chỉnh về sự phân công, phân cấp, điều chỉnh về phân bổ, kết hợp các nguồn lực kinh tế cho phát triển. Đồng thời, cần phải đánh giá lại quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch và định hướng phát triển các tỉnh, thành phố”, Tổng Bí thư nhận định.

Theo Tổng Bí thư, tổ chức bộ máy là một vấn đề lớn, tác động nhiều khía cạnh, cần đầu tư thời gian, công sức nghiên cứu kỹ lưỡng để có những điều chỉnh, cập nhật, bổ sung trong Báo cáo Kinh tế - xã hội cho phù hợp.

Về mô hình tăng trưởng, Tổng Bí thư đề nghị cập nhật tư duy mới đã được đề cập trong báo cáo chính trị. Theo đó, chúng ta chuyển từ “đổi mới mô hình tăng trưởng” sang khẳng định mạnh mẽ hơn là xác định mô hình tăng trưởng mới.

Từ đó cần phải bổ sung, làm rõ hơn các nội hàm của mô hình tăng trưởng mới của Việt Nam là gì, nhất là những vấn đề căn cơ để phát triển nhanh và bền vững, phát triển chất lượng cao, chủ động, tự chủ trong phát triển.

Tổng Bí thư gợi mở các nội hàm như tạo ra cách thức sản xuất mới, những phương thức, lĩnh vực sản xuất kinh doanh mới, chất lượng mới, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao... Trong mô hình tăng trưởng mới này, cần xác định rõ, đúng vai trò của các thành phần kinh tế.

Bên cạnh đó, phải hình thành các vùng, cực tăng trưởng cùng với mục tiêu cụ thể đóng góp cho tăng trưởng GDP cả nước.

Về huy động nguồn lực để phát triển, Tổng Bí thư đề nghị cần tiếp tục nghiên cứu làm sâu sắc hơn các giải pháp cụ thể để huy động nguồn lực; nghiên cứu kỹ chiến lược thu hút vốn FDI cũng như vốn đầu tư gián tiếp trong giai đoạn phát triển mới của đất nước; huy động nguồn vốn trong dân tham gia kinh doanh, đưa dòng vốn luân chuyển trong nền kinh tế. Phát triển kinh tế địa phương tự chủ, phân cấp, phân quyền phải bảo đảm công bằng, nuôi dưỡng nguồn phát triển.

Tổng Bí thư lưu ý, tiếp tục rà soát các nội dung Báo cáo để bảo đảm cân đối giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

“Mục tiêu cuối cùng là nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người dân; phải nghiên cứu những chính sách tăng trưởng, để mức sống của người dân tương ứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và người dân được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế mang lại; phải lượng hóa được các chủ trương cụ thể để người dân có thể nhìn thấy được, đánh giá được...”, Tổng Bí thư đề cập.

Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh, các thành viên Tiểu ban Kinh tế - xã hội tiếp tục bám sát tình hình, tổ chức nghiên cứu, thảo luận kỹ, tiếp thu ý kiến của các cấp, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện dự thảo Báo cáo Kinh tế - xã hội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bảo đảm phải thực sự là cảm nang hành động để hiện thực hóa các mục tiêu năm 2030, năm 2045, đưa đất nước phát triển giàu mạnh, thịnh vượng, nâng cao đời sống của người dân.

Phát biểu tại cuộc làm việc, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh thời gian qua, các lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Tổng Bí thư Tô Lâm rất quan tâm, theo dõi sát sao, thường xuyên chỉ đạo việc xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, trong đó có Báo cáo Kinh tế - xã hội.

Trong thời gian qua, Tiểu ban Kinh tế - xã hội dành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ để nghiên cứu, cập nhật và khẩn trương hoàn thiện dự thảo Báo cáo trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường và ở trong nước chúng ta thực hiện nhiều quyết sách quan trọng mang tính cách mạng và dấu ấn lịch sử.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, việc xây dựng, hoàn thiện Báo cáo Kinh tế - xã hội cần phải thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, những chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, Chính phủ cho đến khi được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng thông qua.

Dự thảo Báo cáo bảo đảm tính văn kiện, tính liên thông với các văn kiện khác trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, nhất là Báo cáo Chính trị, đồng thời cụ thể hóa các nội dung về kinh tế, xã hội; bảo đảm tính hành động, chiến đấu cao, tính đổi mới, tính khả thi, tính hiệu quả.

Tiểu ban Kinh tế - xã hội nghiêm túc tiếp thu đầy đủ, cụ thể hóa các chỉ đạo, định hướng của Tổng Bí thư và các ý kiến phát biểu của các đại biểu tại cuộc làm việc để khẩn trương cập

nhật, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Báo cáo Kinh tế - xã hội để kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, trình Hội nghị Trung ương theo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, bảo đảm chất lượng cao nhất.

Nguồn: [vtcnews.vn](#)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: KHÔNG CÓ GIỚI HẠN TRONG CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Kết luận phiên họp của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu đẩy mạnh số hóa quốc gia, phát triển công dân số toàn diện, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính không có giới hạn, làm càng nhiều càng tốt; cương quyết chuyển đổi trạng thái từ bị động tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính sang trạng thái chủ động, tích cực phục vụ nhân dân, doanh nghiệp.

Sáng ngày 18/3/2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Trưởng ban Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo) chủ trì Phiên họp lần thứ nhất của Ban Chỉ đạo.

Trước đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 13/3/2025 về thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Chỉ đạo có 3 tiểu ban giúp việc gồm: Tiểu Ban Triển khai Đề án 06; Tiểu Ban Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Tiểu Ban Cải cách hành chính do đồng chí Bộ trưởng Bộ Nội vụ làm Trưởng Tiểu Ban.

Phát biểu kết luận phiên họp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cơ bản thống nhất với nội dung các báo cáo, tham luận, ý kiến phát biểu; giao các cơ quan liên quan tiếp thu các ý kiến, hoàn thiện và trình ban hành Kết luận của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Ban Chỉ đạo để thống nhất triển khai trong thời gian tới.

Thủ tướng Chính phủ một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06. Đây là những việc “không làm không được, nhưng làm phải có hiệu quả, chuyển mạnh mẽ từ nhận thức thành hành động, mang lại kết quả cụ thể, lợi ích cho quốc gia, dân tộc, cho nhân dân”.

Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ những kết quả đạt được trong triển khai các nhiệm vụ này thời gian qua.

Thứ nhất, công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được triển khai quyết liệt, tổ chức thực hiện được triển khai đồng bộ với quyết tâm cao từ Trung ương đến cơ sở, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội.

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ngày 09/01/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định (đã có 50/63 địa phương; 14/22 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết).

Chính phủ đã kiện toàn và thành lập Ban Chỉ đạo (Quyết định số 598/QĐ-TTg) do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban (đã có 2 bộ, 15 địa phương kiện toàn Ban Chỉ đạo).

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 15 nghị quyết, 12 quyết định, 9 chỉ thị, 7 công điện về chuyên đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06. Tổ chức 25 phiên họp và hội nghị trực tuyến toàn quốc về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06 (năm 2024 và 2 tháng đầu năm 2025).

Thứ hai, thể chế, cơ chế, chính sách liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06 tiếp tục được tập trung hoàn thiện.

Quốc hội đã ban hành 4 luật và Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Chính phủ đã ban hành 32 nghị định; các Bộ đã ban hành theo thẩm quyền 34 thông tư.

Đã đơn giản hóa 379/1.084 thủ tục hành chính (đến nay, tổng số thủ tục hành chính được các Bộ, cơ quan thực thi phương án là 964/1.084 thủ tục hành chính, đạt 89%; có 8 Bộ, cơ quan hoàn thành 100%). 63/63 địa phương đã ban hành Nghị quyết miễn giảm phí, lệ phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

Thứ ba, chuyển đổi số tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ. Từ tháng 10/2024, Việt Nam đã chính thức thương mại hóa dịch vụ viễn thông 5G. Tốc độ Internet của Việt Nam năm 2024 xếp thứ 37, tăng 7 bậc so với năm 2023. Đưa thêm 1 tuyến cáp quang biển đi quốc tế lớn nhất từ trước đến nay vào hoạt động.

Thương mại điện tử tiếp tục phát triển mạnh mẽ (năm 2024 đạt 28 tỷ USD, tăng 36%). Thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai rộng khắp (tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 57%).

Công nghiệp ICT có bước phát triển khá (doanh thu năm 2024 đạt 152 tỷ USD, tăng 10,9%). Công nghiệp bán dẫn có doanh thu 18,7 tỷ USD với 50 doanh nghiệp thiết kế vi mạch và 6 nghìn kỹ sư thiết kế. Doanh thu phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin tăng mạnh (năm 2024 đạt 18 tỷ USD, tăng 38,5%).

Nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới đầu tư và mở rộng đầu tư tại Việt Nam (Marvell - thiết kế chip; NVIDIA - nghiên cứu phát triển; SK Hynix - sản xuất bộ nhớ).

Công tác mở rộng cơ sở thu, quản lý thuế, hóa đơn điện tử được triển khai một cách tích cực, hiệu quả, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước, bảo đảm cân cân tài chính quốc gia; thu thuế từ hoạt động thương mại điện tử tăng mạnh (năm 2024 là 116 nghìn tỷ đồng, tăng 19,5%).

Thứ tư, triển khai Đề án 06 được thúc đẩy mạnh mẽ, lan tỏa, mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân, doanh nghiệp, tăng cường quản lý xã hội và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được đẩy mạnh, đem lại hiệu quả thiết thực (hoàn thành cấp 100% căn cước công dân gắn chip cho công dân đủ điều kiện; kích hoạt trên 61 triệu tài khoản định danh điện tử; cung cấp 40 tiện ích trên ứng dụng VNeID, tăng 27 tiện ích so với năm 2023; làm sạch 45,7 triệu dữ liệu giấy phép lái xe).

Dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng được hoàn thiện, từng bước xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại (đã triển khai 58/76 dịch vụ công trực tuyến thiết yếu; 200 thủ tục hành chính có thể khai thác để cắt giảm thành phần hồ sơ).

Đã tích hợp Sổ Sức khỏe điện tử và bệnh án điện tử với trên 15,5 triệu thông tin công dân; đưa vào hoạt động Hệ thống điều phối dữ liệu y tế (với 142 cơ sở khám, chữa bệnh tại 29 địa phương sử dụng Bệnh án điện tử). Hơn 2,7 triệu đối tượng chính sách được nhận trợ cấp an sinh xã hội và 79,2% người dân nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua tài khoản.

Thứ năm, Việt Nam có bước tiến mạnh mẽ trong xếp hạng về chuyên đổi số quốc tế. Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử năm 2024 tăng 15 bậc, xếp hạng 71/193. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2024 tăng 2 bậc, xếp hạng 44/133. Chỉ số an toàn, an ninh mạng toàn cầu năm 2024 tăng 8 bậc, xếp hạng 17/194.

Thay mặt lãnh đạo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ biểu dương những nỗ lực, cố gắng và kết quả đạt được của các Bộ, ngành, địa phương, sự chỉ đạo quyết liệt của các thành viên các Ban Chỉ đạo trước đây của Chính phủ, đóng góp quan trọng của lực lượng Công an nhân dân, sự đồng lòng, ủng hộ, tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và nhiệm vụ chậm tiến độ, như còn 5 nghị định chậm được ban hành; nhiều nhiệm vụ tại các chương trình, kế hoạch, đề án triển khai còn chậm tiến độ, không có sự chuyển biến.

Chuyển đổi số phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và chưa là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hiện, chỉ khoảng 30% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Vùng sâu vùng xa còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận Internet.

Cải cách hành chính chưa được quan tâm đúng mức, công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương có nơi, có lúc còn chậm, hiệu quả chưa cao. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính còn chậm; chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa cao (tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia mới đạt 69,5%, chỉ tiêu năm 2024 là tối thiểu 80%, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính mới đạt 63,4%, chỉ tiêu năm 2024 là tối thiểu 80%).

Nhân lực cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06 còn chưa đáp ứng nhu cầu cả về số lượng, chất lượng, phân bổ, thái độ làm việc và đạo đức nghề nghiệp; chưa có cơ chế hợp tác công tư trong huy động nguồn lực...

Theo Thủ tướng Chính phủ, những tồn tại, hạn chế nói trên do nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đặc biệt là tại một số Bộ, ngành, địa phương, vai trò người đứng đầu chưa được phát huy, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm, chưa có sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị.

Hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn

Định hướng thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ 5 quan điểm, tư tưởng chỉ đạo:

Thứ nhất, cải cách bộ máy hành chính và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn bó chặt chẽ với nhau, thúc đẩy, hỗ trợ lẫn nhau, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể.

Thứ hai, cải cách bộ máy hành chính, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là yêu cầu khách quan, lựa chọn chiến lược, ưu tiên hàng đầu, “không làm không được”.

Thứ ba, “Đảng lãnh đạo, Chính phủ thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”; làm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, không nửa vời, làm việc nào ra việc đó, làm việc nào dứt việc đó.

Thứ tư, cương quyết chuyển đổi trạng thái từ bị động tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính sáng trạng thái chủ động, tích cực phục vụ nhân dân, doanh nghiệp.

Thứ năm, khen chê rõ ràng, kịp thời, đúng lúc, hiệu quả.

Đi đôi với 5 quan điểm, tư tưởng chỉ đạo là 3 công việc quan trọng với các cấp, các ngành, các địa phương, các chủ thể: (1) Thực hiện đẩy mạnh số hóa quốc gia; (2) cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính không có giới hạn, làm càng nhiều càng tốt; (3) phát triển công dân số toàn diện. Tinh thần là “bộ máy phải tinh gọn, dữ liệu phải kết nối, quản trị phải thông minh”.

Cùng với đó là 3 nhiệm vụ trọng tâm vừa trước mắt vừa lâu dài: (1) Hoàn thiện thể chế thông thoáng, trước mắt đề xuất Quốc hội dùng một luật sửa nhiều luật; (2) phát triển hạ tầng phải thông suốt, đẩy mạnh phát triển phủ sóng 5G, hệ thống cáp quang, vệ tinh, đặc biệt là cơ sở dữ liệu; (3) các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và đào tạo xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nhân lực (từ bình dân học vụ số tới nâng cao, chuyên nghiệp, chất lượng cao).

Chỉ rõ 3 nhiệm vụ cụ thể cần tập trung thực hiện, Thủ tướng yêu cầu: (1) Xử lý các văn bản hành chính và nhất là thủ tục hành chính trên môi trường số; (2) đẩy mạnh, phổ cập thanh toán không dùng tiền mặt, với lộ trình cụ thể để cần làm tốt hơn nữa; (3) đẩy mạnh thu thuế điện tử, áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, nhất là với dịch vụ ăn uống và bán lẻ.

Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu xây dựng và trình ban hành Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược, bao gồm phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược.

Xây dựng Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng.

Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược. Xây dựng Chương trình phát triển Chính phủ số và triển khai Chính phủ không giấy tờ và thực hiện chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử dựa trên dữ liệu.

Đưa Trung tâm dữ liệu quốc gia đi vào hoạt động trong năm 2025, các Bộ, ngành, địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu của mình; sớm mở sàn giao dịch dữ liệu số; đẩy mạnh phát triển hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh; cấp quang băng thông rộng tốc độ cao...

Về cải cách hành chính, Thủ tướng yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh cung cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gắn với sắp xếp đơn vị hành chính, không để ách tắc công việc. Đẩy mạnh cắt giảm và xóa bỏ thủ tục hành chính; chuyển trạng thái “xin” cung cấp dịch vụ công sang trạng thái “chủ động” cung cấp dịch vụ công cho người dân. Trong năm 2025, 100% các sân bay, bến cảng, cửa khẩu ứng dụng công nghệ sinh trắc, nền tảng VNeID.

Để đẩy mạnh triển khai Đề án 06, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo bám sát Chỉ thị số 07/CT-TTg, xây dựng Kế hoạch triển khai, có giải pháp cụ thể, lộ trình chi tiết, đảm bảo “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”, gắn trách nhiệm của từng cơ quan, cá nhân cụ thể.

Các Bộ, ngành thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ đối với 324 thủ tục hành chính có thông tin giấy đã được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử; hoàn thành trong Quý II/2025.

Các địa phương khẩn trương hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch, dữ liệu đất đai, chủ động nghiên cứu phương án tái sử dụng dữ liệu đã số hóa để thực hiện đơn giản hóa đối với 200 thủ tục hành chính theo thẩm quyền (có 10 địa phương: Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Hà Nam, Nam Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa đã khai thác dữ liệu đất đai trong giải quyết thủ tục đăng ký cư trú).

Nguồn: baohinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: VIỆC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI ĐẢM BẢO “6 RÕ”

Ngày 19/3/2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì Phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 3/2025 để thảo luận và cho ý kiến đối với 6 dự án luật, đề nghị xây dựng luật.

Phát biểu khai mạc phiên họp Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh “thể chế là động lực, nguồn lực của sự phát triển”, “thể chế cũng là điểm nghẽn của điểm nghẽn và là đột phá của đột phá”; đầu tư cho hoàn thiện, xây dựng pháp luật là đầu tư cho phát triển; làm tốt công tác xây dựng pháp luật sẽ tạo cơ hội cho phát triển.

Lưu ý, việc xây dựng pháp luật là yêu cầu bắt buộc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc

Chính phủ phải trực tiếp chỉ đạo, dành thời gian, công sức, trí tuệ cho xây dựng pháp luật; dành nguồn lực, cơ sở vật chất, sử dụng công nghệ để xây dựng pháp luật đảm bảo nhanh, chất lượng, hiệu quả. Qua đó, giải phóng toàn bộ sức sản xuất gồm tư liệu sản xuất, tài nguyên, nguồn lực con người, truyền thống lịch sử văn hóa... và huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu việc bổ sung, sửa đổi quy định pháp luật phải đảm bảo 6 rõ: những nội dung lược bỏ; những nội dung sửa đổi, hoàn thiện; những nội dung bổ sung; những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; những nội dung phân cấp, phân quyền; những vấn đề còn ý kiến khác nhau và những vấn đề khác cần báo cáo Thường trực Chính phủ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

Cùng với đó, việc xây dựng pháp luật mới phải đảm bảo nguyên tắc: thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước; những nội dung chưa có quy định trong thực tiễn; những nội dung đã có nhưng thực tiễn đã vượt qua; những nội dung cần tháo gỡ vướng mắc; đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính; phân cấp, phân quyền; những vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau...

Chỉ đạo xây dựng các văn bản pháp luật phải ngắn gọn, rõ ý, dễ hiểu, dễ áp dụng, dễ làm, dễ đánh giá, dễ kiểm tra, giám sát, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu phải triển khai nhanh, “vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, hoàn thiện, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội”, “cái gì đã chín đã rõ, được thực tế chứng minh là đúng, đa số đồng tình thì áp dụng, luật hóa; những vấn đề còn đang biến động, diễn biến phức tạp, nhất là vấn đề liên quan kinh tế - xã hội, thì phải để dư địa để hoàn chỉnh, tổng kết, nhân rộng, luật hóa”.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các thành viên Chính phủ tập trung trí tuệ, phát huy tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình trao đổi, thảo luận; trình bày báo cáo, phát biểu rõ ràng ý kiến; tập trung trao đổi về các vấn đề quan trọng, còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến Chính phủ; bảo đảm chất lượng của các dự án Luật được trình Chính phủ xem xét tại phiên họp.

Theo chương trình, tại phiên họp, Chính phủ sẽ xem xét, thảo luận về: Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi); Luật Cấp thoát nước; Luật Quản lý, phát triển đô thị; Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và đề nghị xây dựng Luật Doanh nghiệp (sửa đổi).

Nguồn: baotintuc.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: “SÁP NHẬP TỈNH DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRƯỚC NGÀY 30/8 ĐỂ VẬN HÀNH TỪ NGÀY 01/9/2025”

“Chúng ta cũng sẽ tập trung hoàn thiện việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh hoàn thành trước ngày 30/8/2025 để có thể thực hiện được ngay việc vận hành đơn vị hành chính cấp tỉnh bắt đầu từ ngày 01/9/2025”, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh.

Sáng ngày 18/3/2025, tại Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà đã trình bày đánh giá chung về kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2024 cũng như Quý I/2025, công tác cải cách hành chính đã đạt được nhiều tiến bộ mới và ghi nhận một số đột phá đáng kể.

Cụ thể, về cải cách thể chế, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đặc biệt quan tâm đến việc đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật, đề cao chức năng kiến tạo, hỗ trợ bên cạnh chức năng quản lý của pháp luật và thúc đẩy phân cấp, phân quyền. Điều này được thể hiện rất rõ, và chúng ta đã đạt được những kết quả bước đầu rất tích cực trong năm 2024.

Về cải cách tổ chức bộ máy, đây thực sự là một cuộc cách mạng trong toàn hệ thống chính trị, đạt được những kết quả rất tích cực, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển tiếp theo. Hiện nay, có 17 Bộ và cơ quan ngang Bộ, đã giảm được 5 Bộ và 3 cơ quan thuộc Chính phủ. Đồng thời, tổ chức bên trong của các Bộ và cơ quan ngang Bộ đã được tinh gọn đáng kể. Cụ thể, giảm 13/13 tổng cục và tương đương, đạt tỷ lệ 100%; giảm 519 cục và tổ chức tương đương (giảm khoảng 77,6%); giảm 219 vụ và tương đương (giảm 54,1%); giảm 3.303 chi cục và tương đương (giảm khoảng 91,7%).

Đối với các địa phương, theo chỉ đạo chung của Chính phủ, 63 tỉnh và thành phố đã giảm 343 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đạt tỉ lệ 29%, cùng với 1.454 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (giảm 17,5%).

Về chuyển đổi số và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, thời gian vừa qua, đã tạo được nền tảng cơ bản để thúc đẩy Chính phủ điện tử, Chính phủ số, cũng như xã hội số, công dân số và kinh tế số.

Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính trong năm 2024 vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Như công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai cải cách hành chính ở một số cơ quan, đơn vị còn chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Cơ chế, chính sách pháp luật trong một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, chậm được sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến phân cấp, phân quyền. Mặc dù đã được chú trọng, nhưng thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Tình trạng chậm trễ trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính vẫn xảy ra ở một số Bộ, ngành và địa phương trên một số lĩnh vực.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở một số nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa rõ ràng. Đồng thời, việc đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành vẫn chưa đạt được mục tiêu thông suốt, liên thông, đồng bộ và hiệu quả.

Sắp xếp bộ máy, “cởi trói” cho cán bộ

Về nhiệm vụ chính trị chung của Chính phủ năm 2025, đối với nhiệm vụ cải cách hành chính từ nay đến hết năm 2025, Tiểu ban Cải cách hành chính đề xuất tám nhiệm vụ cơ bản.

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc, toàn diện, đồng bộ và hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Các Bộ, ngành, địa phương cần xây dựng kế hoạch và giải pháp cụ thể, thiết thực để đẩy mạnh nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025 nhằm hoàn thành và vượt các chỉ tiêu của giai đoạn 2021 - 2025 trong Chương trình cải cách tổng thể hướng tới năm 2030.

Thứ hai, đẩy mạnh cải cách thể chế để bảo đảm yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật kiến tạo, phát triển và tăng trưởng; kịp thời việc phân cấp, phân quyền đáp ứng yêu cầu “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

Theo Bộ trưởng Bộ Nội vụ, vừa qua, Quốc hội đã ban hành hai luật sửa đổi, gồm Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi), trong đó quy định rất cụ thể và rõ ràng về phân cấp, phân quyền. Quốc hội đã giao Chính phủ ban hành các nghị định để sửa đổi các luật chuyên ngành. Tuy nhiên, hiện nay, các luật chuyên ngành vẫn còn tình trạng chông chéo, chưa đảm bảo mục tiêu phân cấp, phân quyền.

“Ngay sau đây, tất cả các bộ, ngành cần căn cứ vào kế hoạch của Chính phủ để đẩy mạnh việc ban hành các nghị định thực hiện phân cấp, phân quyền. Cách thực hiện cần đúng với phương châm: Đảm bảo địa phương quyết định, địa phương thực hiện và chịu trách nhiệm, đồng thời “cởi trói” cho cán bộ, tạo điều kiện thuận lợi hơn trong công tác quản lý và điều hành”, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết.

Cũng theo Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà, Bộ Nội vụ sẽ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, đồng thời đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

“Ngay sau đây, chúng tôi cũng sẽ hoàn thành việc xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 và Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của hành chính công. Nội dung này sẽ được báo cáo với Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, dự kiến đưa vào hội nghị định kỳ đầu tháng 4 của Chính phủ để công khai thông tin và báo cáo trước Nhân dân”, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nói.

Nữ Bộ trưởng nêu nhiệm vụ thứ tư là tập trung triển khai thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm thận trọng, kỹ lưỡng, chất lượng.

Đây là yêu cầu đáp ứng chỉ đạo chung của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, là một nhiệm vụ hết sức hệ trọng và cấp bách. Do đó,

chúng tôi rất mong nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ tất cả các bộ, ngành liên quan để kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện nhiệm vụ quan trọng này một cách hiệu quả".

"Dự kiến, chúng ta sẽ hoàn thành toàn bộ việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trước ngày 30/6 để đến ngày 01/7/2025, các đơn vị hành chính cấp xã được vận hành theo tổ chức mới. Chúng ta cũng sẽ tập trung hoàn thiện việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh hoàn thành trước ngày 30/8/2025 để có thể thực hiện được ngay việc vận hành đơn vị hành chính cấp tỉnh bắt đầu từ ngày 01/9/2025", Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà thông tin.

Thứ năm, đẩy mạnh cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính; rà soát, kiến nghị bãi bỏ các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không phù hợp; tăng cường nguyên tắc minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đồng thời, tổ chức triển khai mở rộng thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại một số địa phương theo kế hoạch, và tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ cũng như kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Nguồn: vov.vn

ĐỔI MỚI NỀN QUẢN TRỊ CÔNG DỰA TRÊN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chiều ngày 18/3/2025, tại Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp Đại sứ quán các nước Bắc Âu tại Việt Nam tổ chức Tọa đàm khoa học: "Lãnh đạo và quản trị công hiệu quả, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Kinh nghiệm Bắc Âu và Việt Nam".

Việt Nam đang ở một giai đoạn phát triển quan trọng, hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh yêu cầu cấp bách về cải cách hành chính toàn diện, loại bỏ sự chông chéo trong chức năng của các cơ quan, nâng cao năng lực lãnh đạo và đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực công.

Việc đổi mới sẽ giúp nền hành chính công Việt Nam đáp ứng tốt hơn nhu cầu và kỳ vọng của người dân. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đặc biệt nhấn mạnh vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với sự phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Trong bối cảnh này, PGS. TS. Dương Trung Ý, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của buổi Tọa đàm.

PGS. TS. Dương Trung Ý khẳng định: Kinh nghiệm lãnh đạo và quản trị quốc gia chú trọng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và quản trị hiệu quả nhằm phát triển bền vững xã hội của mô hình Bắc Âu là rất hữu ích đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt là việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, góp phần thúc đẩy sự phát triển bứt phá của Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới.

Cụ thể, theo PGS. TS. Dương Trung Ý, các nước Bắc Âu đã trở thành hình mẫu về quản trị công minh bạch, hiệu quả và bền vững. Mô hình phát triển Bắc Âu có những nét tương đồng với mô hình phát triển của Việt Nam, chú trọng đến an sinh, phúc lợi xã hội, bình đẳng, công bằng xã hội và không để ai bị bỏ lại phía sau. Kinh nghiệm lãnh đạo và quản trị quốc gia chú trọng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hiệu quả nhằm phát triển bền vững xã hội của mô hình Bắc Âu rất hữu ích đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, nhất là việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Tại Tọa đàm, các nhà khoa học đã tập trung thảo luận một số nội dung quan trọng như: những cơ hội và thách thức đối với việc ứng dụng công nghệ số vào lãnh đạo và quản trị công ở Việt Nam và các nước Bắc Âu; phân tích và làm rõ những thách thức, cơ hội, thực trạng và giải pháp đột phá thúc đẩy đổi mới sáng tạo, quản trị hiệu quả khu vực công và phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội, từ kinh nghiệm Bắc Âu và gợi ý chính sách cho Việt Nam...

Các đại biểu, nhà khoa học đã đưa ra những kiến nghị, đề xuất thiết thực, có giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong việc tăng cường tính hiệu quả, hiệu năng và hiệu lực của nền quản trị công, thúc đẩy sự phát triển bứt phá hai con số về kinh tế, bền vững xã hội trong thời gian tới.

Tổng kết Tọa đàm, PGS. TS. Dương Trung Ý khẳng định, Việt Nam đang trong quá trình thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu tổ chức chính quyền các cấp, cũng là nước được đánh giá cao trong chuyển đổi số.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cả ba trụ cột: chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, nhất là từ các nước Bắc Âu sẽ giúp Việt Nam có thêm những lựa chọn chính sách thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Nguồn: nhandan.vn

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TRÍ TUỆ NHÂN TẠO NHẬP CUỘC

Để đảm bảo hiệu quả của cải cách hành chính, tăng tính minh bạch, giảm sự nhũng nhiễu, tiêu cực, cần xây dựng nền tảng về quản lý hành chính công tích hợp với công nghệ mới.

Công cuộc cải cách hành chính đang diễn ra mạnh mẽ. Mục tiêu “tinh gọn bộ máy, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu suất làm việc của các cơ quan nhà nước” đã được đưa ra thật đúng với nguyện vọng của người dân và doanh nghiệp!

Vấn đề quan trọng là xác định được giải pháp tối ưu có thể thỏa mãn được yêu cầu cải cách một cách toàn diện để mọi hoạt động của xã hội từ kinh tế, văn hóa, giáo dục, du lịch, ngoại giao, an ninh, quốc phòng... từ trung ương đến từng địa phương đều được diễn ra thuận lợi, phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Đặc biệt, công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng trên tất cả các lĩnh vực cần được bảo đảm thực hiện dễ dàng, nhanh chóng và hiệu quả.

Một yếu tố then chốt trong quá trình cải cách hành chính là ứng dụng công nghệ. Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) và các hệ thống giám sát hiện đại, việc quản lý hành chính sẽ đơn giản và hiệu quả hơn rất nhiều.

Thực tế cho thấy, tính đến cuối tháng 8/2024, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của cả nước đạt 43%, tăng gấp 2,5 lần so với cuối năm 2023. Một số địa phương đã đạt tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình rất cao như TP. Đà Nẵng (95,56%), Cà Mau (91,99%), và Tây Ninh (91,98%). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều địa phương chỉ đạt tỷ lệ thấp dưới 5%, với trung bình khối địa phương mới chỉ đạt 17,9%.

Theo đó, để đảm bảo hiệu quả của cải cách hành chính, tăng tính minh bạch, giảm sự nhùng nhể, tiêu cực, cần xây dựng nền tảng (platform) về quản lý hành chính công tích hợp với công nghệ trí tuệ nhân tạo, cần đảm bảo tất cả dịch vụ hành chính công đều được xử lý tự động bằng những công cụ trí tuệ nhân tạo hiện đại nhất.

Hệ thống camera thông minh và công nghệ tương tác cần trang bị đầy đủ để giám sát an ninh và người dân có thể làm việc như trực tiếp mà không cần đến tận cơ quan hành chính.

Với nền tảng này, người dân dù ở vùng sâu vùng xa vẫn có thể thực hiện các thủ tục chính mà không cần trực tiếp đến trụ sở cơ quan công quyền với sự trợ giúp của những nhân viên hành chính chuyên nghiệp.

Các điểm giao dịch (vận hành bằng trí tuệ nhân tạo, không cần nhân viên) có thể được đặt tại nhiều vị trí thuận tiện mà trước đây là trụ sở cơ quan xã giúp người dân tiết kiệm thời gian di chuyển.

Khi có điều kiện có thể tăng thêm điểm giao dịch về thôn xóm, khu phố. Camera thông minh cần có khả năng nhận biết được nhân dạng và xác định được nhân thân của từng người. Cần đảm bảo hệ thống camera này thay thế hiệu quả cho lực lượng công an giữ gìn tốt hơn trật tự, an ninh, an toàn cho người dân trên mọi miền đất nước.

Các quốc gia khác như Italia đã thành công trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính với cơ chế tự chứng nhận, giúp giảm số lượng giấy tờ ban hành từ 70 triệu xuống còn 3,5 triệu. Tại Vương quốc Bỉ, một cơ quan chuyên trách về đơn giản hóa thủ tục hành chính được thành lập với mục tiêu giảm 10 - 20% thủ tục hành chính trong một nhiệm kỳ Quốc hội.

Ngoài ra, học hỏi từ các mô hình quốc tế, như ở Vương quốc Anh, hiện đại hóa hành chính cũng cần gắn liền với cải thiện chất lượng dịch vụ. Ở đó, mỗi bộ đều có dịch vụ tiếp dân và đường dây trợ giúp, theo đó người dân có các thông tin cần biết trong một thời hạn ngắn. Các công chức thường luôn có mặt và có khả năng đáp ứng các yêu cầu của người dân, sẵn sàng cung cấp thông tin qua bưu điện, email hay fax.

Cải cách đơn vị hành chính quốc gia là một bước đi hết sức cần thiết trong tiến trình phát triển của Việt Nam. Tuy nhiên, cần thực hiện một cách thận trọng, có lộ trình rõ ràng và phù hợp với điều kiện thực tế. Mô hình quản lý mới kết hợp với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin,

trí tuệ nhân tạo chắc chắn là một giải pháp hiệu quả, vừa đạt được mục tiêu tinh gọn bộ máy, tiết kiệm chi phí, vừa không gây xáo trộn nhiều đến hệ thống quản lý hành chính hiện tại.

Với mục tiêu tăng trưởng cao đã được đặt ra, việc cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục rườm rà là điều kiện tiên quyết. Như Tổng Bí thư Tô Lâm đã yêu cầu, cần cắt giảm 30% điều kiện kinh doanh, giảm ít nhất 30% thủ tục hành chính, đưa Việt Nam vào nhóm ba nước có môi trường kinh doanh thuận lợi nhất ASEAN.

Tôi tin rằng với chủ trương, chính sách đúng đắn của một Nhà nước luôn biết lắng nghe ý kiến của người dân, với sự quyết tâm cải cách của chính quyền và sự ủng hộ mạnh mẽ của người dân, Việt Nam sẽ tiếp tục tạo nên những bước tiến vượt bậc trong khi vẫn bảo đảm sự phát triển bền vững.

Nguồn: nguoiduatin.vn

ĐỀ XUẤT BÃI BỎ MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC BAN HÀNH

Bộ Dân tộc và Tôn giáo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành, liên tịch ban hành.

Theo đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề xuất tại dự thảo Thông tư bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc nay là Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành, liên tịch ban hành sau đây:

Bãi bỏ toàn bộ 03 thông tư liên tịch:

1. Thông tư liên tịch số 819/2004/TTLT-UBDT-BKH-BTC-BXD-BNN ngày 10/11/2004 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

2. Thông tư liên tịch số 984/2006/TTLT/UBDT-VHTT-GDĐT-BCVT ngày 10/11/2006 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Văn hóa - Thông tin - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Bưu chính Viễn thông hướng dẫn thực hiện cấp một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-UBDT-BTC ngày 08/01/2010 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn.

Bên cạnh đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo cũng đề xuất bãi bỏ toàn bộ 06 quyết định. Cụ thể:

1. Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II.

2. Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 08/8/2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành Quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010.

3. Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 về việc ban hành Chiến lược truyền thông Chương trình 135 giai đoạn II.

4. Quyết định số 74/2007/QĐ-UBND ngày 12/03/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành khung Lộ trình thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II (2006 - 2010).

5. Quyết định số 275/2005/QĐ-UBND ngày 15/6/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về ký hợp đồng đặt hàng và quản lý, sử dụng một số loại báo, tạp chí cấp cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Quyết định số 83/2003/QĐ-UBND ngày 05/5/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của ủy ban dân tộc và hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc ở địa phương (giai đoạn 2003 - 2007).

Bộ Dân tộc và Tôn giáo cho biết, lý do bãi bỏ là qua rà soát có một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành đã hết giai đoạn thực hiện, một số văn bản đã được ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới,... nên các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên không còn phù hợp và không còn áp dụng trong thực tiễn.

Anh Cao, Cổng thông tin điện tử

BỘ Y TẾ: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ HỢP LÝ CỦA VIỆC CUNG CẤP DỊCH VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH

Bộ Y tế đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định về đánh giá sự hợp lý của việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Theo đó, đánh giá sự hợp lý của việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (tên gọi khác là kiểm định lâm sàng, tên tiếng Anh là clinical audit) là một quá trình cải tiến chất lượng nhằm cải thiện việc chăm sóc bệnh nhân và kết quả điều trị thông qua đánh giá có hệ thống việc chăm sóc và điều trị dựa trên các tiêu chí cụ thể và thực hiện các hành động để thay đổi.

Về phạm vi đánh giá, theo dự thảo, đánh giá về tính pháp lý trong cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bao gồm đánh giá về việc hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề và phạm vi hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đánh giá về thực hiện chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh trong cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bao gồm: Khám bệnh, chữa bệnh; chỉ định nhập viện: cấp cứu, nội trú; chỉ định dịch vụ kỹ thuật khám bệnh,

chữa bệnh: bao gồm dịch vụ lâm sàng và cận lâm sàng; kê đơn thuốc điều trị; ra viện, chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác để khám bệnh, chữa bệnh; một số nội dung khác: dựa trên thực tiễn của mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Đánh giá về tính pháp lý trong cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

Theo dự thảo, đánh giá về tính pháp lý trong cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh người hành nghề, như sau:

Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo đúng phạm vi hành nghề và phạm vi hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền cho phép trừ trường hợp cấp cứu hoặc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo huy động, điều động của cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp.

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo đúng thời gian, địa điểm đã đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi là đăng ký hành nghề), trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Tuân thủ quy định về chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, bao gồm các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và các tài liệu chuyên môn có liên quan.

Kê đơn, chỉ định sử dụng thuốc đã được cấp phép lưu hành theo quy định của pháp luật về dược trong khám bệnh, chữa bệnh.

Kê đơn thuốc, chỉ định thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, chuyển người bệnh tới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác không vì mục đích trục lợi.

Đánh giá về tính pháp lý trong cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh như sau:

Cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đúng phạm vi hoạt động chuyên môn cho phép, trừ trường hợp cấp cứu hoặc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo quyết định huy động, điều động của cơ quan, người có thẩm quyền khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp.

Việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phải tuân thủ các quy định về chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh, bao gồm các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và các tài liệu chuyên môn có liên quan.

Cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh công bằng, không phân biệt đối xử.

Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được chỉ định và cung cấp bởi người có giấy phép hành nghề theo đúng quy định.

Các giai đoạn đánh giá

Theo dự thảo, có 4 giai đoạn đánh giá bao gồm:

Giai đoạn 1: Chuẩn bị và lập kế hoạch đánh giá

Xác định nội dung, chủ đề ưu tiên cần đánh giá dựa trên các yếu tố: dịch vụ được thực hiện thường xuyên tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, dịch vụ có khả năng, hoặc có nguy cơ hoặc đã có tình trạng chỉ định hoặc cung cấp không hợp lý; dịch vụ có chi phí lớn.

Xác định các chuẩn mực thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bao gồm các quy định về chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế ban hành hoặc công nhận, như hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, tiêu chuẩn chất lượng lâm sàng và các tài liệu chuyên môn có liên quan.

Xây dựng hướng dẫn đánh giá bao gồm phạm vi, nội dung, công cụ, biện pháp, cỡ mẫu phù hợp để bảo đảm tính đại diện cho kết quả đánh giá, thời gian đánh giá, xác định nguồn thông tin để đánh giá, bao gồm hồ sơ bệnh án, ghi nhận thực tiễn trong quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, hệ thống thông tin khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Xác định hình thức đánh giá: đánh giá nội bộ, đánh giá bên ngoài.

Xác định thành phần tham gia đánh giá bao gồm các bên liên quan đến lâm sàng và cận lâm sàng, nhà quản lý, bệnh nhân, người chăm sóc nếu phù hợp.

Giai đoạn 2: thực hiện đánh giá

Thực hiện đánh giá dựa trên hướng dẫn đánh giá và tiến hành thu thập dữ liệu.

Phân tích và viết báo cáo kết quả đánh giá và đưa ra các đề xuất, hành động để tăng cường việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hợp lý.

Giai đoạn 3: Thực hiện sự thay đổi

Xây dựng và triển khai kế hoạch để thực hiện sự thay đổi dựa trên báo cáo kết quả đánh giá.

Giai đoạn 4: Đạt được và duy trì sự cải thiện

Thực hiện kế hoạch để đạt được và duy trì sự cải thiện trong việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Các căn cứ để đánh giá sự hợp lý của việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

1. Giấy phép hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
2. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, bao gồm hình thức tổ chức, thời gian hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3. Các quy định về chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế ban hành hoặc công nhận, bao gồm các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và các tài liệu chuyên môn có liên quan do Bộ Y tế ban hành hoặc công nhận.
4. Các quy định về chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban hành hoặc công nhận áp dụng: bao gồm các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị, hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và các tài liệu chuyên môn có liên quan.

Nội dung báo cáo đánh giá

Nội dung báo cáo đánh giá gồm: 1. Tổng quan; 2. Thiết kế và phương pháp đánh giá; 3. Sự tuân thủ các chuẩn mực đã được quy định; 4. Kết quả và các khuyến nghị, đề xuất kế hoạch hành động để thay đổi; 5. Đề xuất các đánh giá theo dõi tiếp tục; 6. Kết luận.

Dự thảo nêu rõ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và báo cáo kết quả đánh giá sự hợp lý của việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hàng năm về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trước ngày 15/12.

Sở Y tế tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện đánh giá bên ngoài về việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý và báo cáo kết quả đánh giá sự hợp lý của việc cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hàng năm về Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh) trước ngày 31/12,...

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ TƯ PHÁP: ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Bộ Tư pháp đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Theo đó, Bộ Tư pháp đề xuất dự thảo Nghị định được bố cục gồm 06 Chương, 28 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 03 Điều, từ Điều 1 đến Điều 3) quy định những nội dung mang tính khái quát về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II. Trách nhiệm và nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (gồm 08 Điều, từ Điều 4 đến Điều 11). Chương này quy định chi tiết về trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương; nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

Chương III. Theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (gồm 07 Điều, từ Điều 12 đến Điều 18). Chương này quy định về các nội dung quản lý nhà nước về theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương; trách nhiệm xây dựng và ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung theo dõi việc thi hành VBQPPL; thu thập thông tin và xử lý kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương IV. Sơ kết, tổng kết và chế độ thông tin, báo cáo (gồm 08 Điều, từ Điều 19 đến Điều 21). Chương này quy định các nội dung về sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; cung cấp thông tin về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương V. Quản lý nhà nước về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (gồm 03 Điều, từ Điều 22 đến Điều 24). Chương này quy định các nội dung quản lý nhà nước về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quản lý nhà nước về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương VI. Điều khoản thi hành (gồm 04 Điều, từ Điều 25 đến Điều 28), quy định về kinh phí bảo đảm cho công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp của Nghị định.

Cao Tuấn Anh, Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ

ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ CÔNG KẾT NỐI DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG

Bộ Khoa học và Công nghệ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Theo đó, dự thảo Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số; các tổ chức, cá nhân phát triển phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số; các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng đảm bảo an toàn; các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam; chủ quản các hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử có sử dụng chữ ký số và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (*)

Dự thảo nêu rõ, Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng là hệ thống thông tin phục vụ kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử sử dụng chữ ký số để bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ của thông điệp dữ liệu.

Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng kết nối đến Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cung cấp các đặc tả, thông số kỹ thuật và thông tin phục vụ kết nối cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia; cập nhật các thông số kỹ thuật hoặc thông tin phục vụ kết nối khi có thay đổi cho Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia.

Các hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử sử dụng chữ ký số tích hợp với Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng để bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ của thông điệp dữ liệu bảo đảm chức năng ký số của hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử sử dụng chữ ký số đáp ứng các quy định; tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cung cấp các đặc tả, thông số kỹ thuật và thông tin phục vụ việc kết nối đến Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Đầu mối hỗ trợ, hướng dẫn kết nối đến Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng là Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Theo dự thảo, yêu cầu chung đối với chức năng phần mềm ký số phải tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật về chữ ký số trên thông điệp dữ liệu tại Phụ lục I.

Yêu cầu về chức năng phần mềm ký số

1. Chức năng xác thực chủ thể ký và ký số: Kiểm tra được thông tin chủ thể ký trên chứng thư chữ ký số; cho phép chủ thể ký sử dụng khóa bí mật để thực hiện việc ký số vào thông điệp dữ liệu; khóa bí mật lưu trong thiết bị được chủ thể ký sử dụng để ký số phải tuân thủ các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật tại Phụ lục I; cho phép chuyển đổi định dạng thông điệp dữ liệu thành các định dạng được nêu tại Phụ lục I.

Gắn kèm chữ ký số và chứng thư chữ ký số vào thông điệp dữ liệu sau khi ký số; hỗ trợ cài đặt, tích hợp chứng thư chữ ký số của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và chứng thư chữ ký số thuộc Danh sách tin cậy chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam; đáp ứng các giao thức gửi nhận thông điệp dữ liệu của phần mềm ký số theo các yêu cầu và tiêu chuẩn tại Phụ lục I.

2. Chức năng kiểm tra hiệu lực của chứng thư chữ ký số: Thông tin trong chứng thư chữ ký số được định danh theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử. Chứng thư chữ ký số của chủ thể ký phải được kiểm tra theo đường dẫn tin cậy của chứng thư chữ ký số đó và phải liên kết đến chứng thư chữ ký số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia hoặc thuộc Danh sách tin cậy chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam.

Chứng thư chữ ký số phải có hiệu lực tại thời điểm ký số và đáp ứng các tiêu chí tại Phụ lục II.

3. Chức năng kết nối đến Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng: Hướng dẫn kết nối được quy định tại (*) nêu trên.

4. Chức năng lưu trữ và hủy bỏ các thông tin kèm theo thông điệp dữ liệu ký số, bao gồm: Chứng thư chữ ký số tương ứng với khóa bí mật mà chủ thể ký sử dụng để ký thông điệp dữ liệu tại thời điểm ký số; danh sách chứng thư chữ ký số thu hồi tại thời điểm ký trong chứng thư chữ ký số của chủ thể ký; quy chế chứng thực của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số đã cấp chứng thư chữ ký số tương ứng với chữ ký số trên thông điệp dữ liệu; kết quả kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số tương ứng với chữ ký số trên thông điệp dữ liệu đã ký.

5. Chức năng thay đổi (thêm, bớt) chứng thư chữ ký số của cơ quan, tổ chức tạo lập cấp, phát hành chứng thư chữ ký số: Cho phép tích hợp và hiển thị đầy đủ các tổ chức cung cấp

dịch vụ chứng thực chữ ký số và Danh sách tin cậy chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam.

6. Chức năng thông báo bằng chữ hoặc ký hiệu cho chủ thể ký biết việc ký số vào thông điệp dữ liệu thành công hay không thành công, bao gồm việc: Hiển thị thông báo ký số thành công hoặc không thành công; xem được thông điệp dữ liệu đã ký sau khi hoàn thành ký số; tải được thông điệp dữ liệu đã ký về thiết bị.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: TẠO RA ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ký ban hành Văn bản số 991/UBND-TH chỉ đạo phân luồng, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ công việc nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và đổi mới sáng tạo, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng trên 8% trong năm 2025.

Theo văn bản chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, các nhóm hồ sơ thủ tục cần ưu tiên giải quyết gồm các lĩnh vực đầu tư và phát triển hạ tầng (quy hoạch, đấu thầu, giao đất, giải phóng mặt bằng, dự án trọng điểm...); xuất khẩu, logistics và thương mại quốc tế; hỗ trợ tài chính; các cơ chế, chính sách; chương trình kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy thị trường nội địa; nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới sáng tạo; thủ tục chấp thuận, cấp phép, phê duyệt các trung tâm nghiên cứu và phát triển, startup công nghệ; thủ tục phát triển hạ tầng số, chuyển đổi số, đô thị thông minh, chính phủ điện tử; đầu tư vào dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, viễn thông, giao thông thông minh, vận tải công nghệ cao...

Mục tiêu đặt ra là bảo đảm thời hạn giải quyết hồ sơ thủ tục rút ngắn ít nhất 60% so với quy định hiện hành. Với dự án quan trọng, thành phố yêu cầu các sở, ngành, địa phương xử lý ngay trong vòng 24 giờ kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.

Thực tế cho thấy, thủ tục hành chính vẫn được coi là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”, vì thế khơi thông điểm nghẽn này chính là khơi thông nguồn lực cho tăng trưởng. Nếu giải quyết thủ tục hành chính nhanh, gọn, thông thoáng, các nguồn lực (vốn đầu tư dự án, cơ sở hạ tầng, khu đô thị...) nhanh chóng trở thành tài sản xã hội, đóng góp cho tăng trưởng.

Doanh nghiệp, lực lượng nòng cốt đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nhanh chóng tiếp cận nguồn lực, tận dụng kịp thời cơ hội để sản xuất, kinh doanh và phát triển. Có quy mô nền kinh tế lớn nên 1% tăng trưởng của TP. Hà Nội đóng góp nhiều cho kinh tế cả nước, song đồng thời cũng đòi hỏi nguồn lực lớn hơn, do đó việc tháo gỡ điểm nghẽn thủ tục đối với thành phố luôn là yêu cầu cao và có ý nghĩa nhiều mặt.

Tại Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ vừa qua, về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu tập trung rà soát kỹ lưỡng, cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân, bảo đảm giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí kinh doanh (chi phí tuân thủ); bãi bỏ 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; thực hiện các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp trên môi trường điện tử, bảo đảm thông suốt, liền mạch, hiệu quả.

Tại văn bản của thành phố, thời hạn giải quyết thủ tục được yêu cầu rút ngắn 60% so với quy định hiện hành. Đây không chỉ là “mệnh lệnh” hành chính, mà còn là “mệnh lệnh” từ trách nhiệm của mỗi sở, ngành, địa phương với nhân dân, doanh nghiệp, với Thủ đô và đất nước. Trước hết, các cấp, ngành, địa phương gấp rút rà soát, xác định cụ thể các thủ tục cần rút gọn, xử lý theo “luồng xanh” để cắt giảm thời gian, tập trung giải quyết nhanh chóng.

Theo yêu cầu của thành phố, các cấp, ngành, địa phương phải ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo để phân loại hồ sơ, xác định cấp độ ưu tiên với các nhóm nội dung công việc; đồng thời qua ứng dụng công nghệ thông tin, các đơn vị cũng có thể rút gọn hơn nữa thời gian xử lý, bởi cắt giảm thủ tục, thời gian giải quyết không có giới hạn.

Từng cấp, ngành, địa phương và mỗi cá nhân cần hiểu rõ giải quyết nhanh thủ tục hành chính là để khơi thông nguồn lực phát triển. Giải quyết điềm nghẽn thủ tục là tạo ra động lực tăng trưởng mới.

Nguồn: hanoimoi.vn

TP. ĐÀ NẴNG: ĐỀ XUẤT THU PHÍ 0 ĐỒNG KHI THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN

Ngày 20/3/2025, Ban Chỉ đạo triển khai Đề án 06/CP TP. Đà Nẵng tổ chức hội nghị quán triệt và triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06/CP trên địa bàn thành phố.

Báo cáo tại Hội nghị, Thượng tá Võ Hoàng Trung, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an TP. Đà Nẵng cho biết, đến nay thành phố đã triển khai 1.825/1.894 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đạt tỷ lệ 96,36%, đồng thời đảm bảo 100% dịch vụ đủ điều kiện đã được triển khai toàn trình. Ngoài ra, TP. Đà Nẵng đã tích hợp 1.506 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 79,51%. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 98% (453/463 hồ sơ). Riêng đối với các dịch vụ công của Bộ Công an, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 96,2% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận.

Công tác ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử trong phát triển kinh tế - xã hội cũng ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Hiện 100% cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại TP. Đà Nẵng đã triển khai tiếp nhận khám chữa bệnh bằng căn cước công dân gắn chip, VNeID hoặc VssID. Đặc biệt, toàn bộ các cơ sở y tế tuyến quận, huyện và thành phố đã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt (POS, chuyển khoản, quét QR code), với tỷ lệ giá trị thanh toán đạt khoảng 50%. Trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, tất cả cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố đã tiếp nhận khám chữa bệnh bảo hiểm y tế qua căn cước công dân gắn chip và các ứng dụng điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

Tại Hội nghị, đại diện các cơ quan, đơn vị, sở, ngành, địa phương và thành viên Ban Chỉ đạo triển khai Đề án 06/CP TP. Đà Nẵng đã nêu ý kiến, làm rõ thêm các kết quả đã đạt được

và một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Đề án 06/CP. Đồng thời đề xuất một số kiến nghị đối với các cấp và giải pháp để triển khai hiệu quả Đề án 06/CP.

Phát biểu tại Hội nghị, Đại tá Phan Văn Dũng, Phó Giám đốc Công an thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo TP. Đà Nẵng nhấn mạnh việc các sở, ban, ngành, địa phương cần khẩn trương nghiên cứu, xây dựng lộ trình và cụ thể hóa nhiệm vụ của Đề án 06/CP trong năm 2025. Theo đó, công tác triển khai phải bám sát chỉ thị, nghị quyết của Chính phủ cũng như kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng.

Trong năm 2025, TP. Đà Nẵng sẽ tập trung đẩy mạnh số hóa hồ sơ, làm sạch, đồng bộ và liên thông dữ liệu, đảm bảo dữ liệu chuyên ngành có thể tái sử dụng nhằm cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Trọng tâm trước mắt là số hóa dữ liệu hộ tịch và đất đai để giảm bớt thủ tục, tránh yêu cầu người dân cung cấp lại các giấy tờ đã có trong hệ thống. Bên cạnh đó, TP. Đà Nẵng sẽ rà soát và đề xuất các thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ là các loại giấy tờ đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử, nhằm thực hiện cắt giảm hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục một cách tối đa. Mục tiêu là không yêu cầu người dân, doanh nghiệp xuất trình giấy tờ đã được số hóa, đúng theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Một nội dung quan trọng được đưa ra tại hội nghị là việc khẩn trương rà soát, lựa chọn và đề xuất các thủ tục hành chính đủ điều kiện để áp dụng chính sách thu phí 0 đồng. Điều này nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và giảm thiểu thủ tục hành chính rườm rà. Theo kế hoạch, các cơ quan chức năng sẽ hoàn thành việc đề xuất danh mục thủ tục hành chính hưởng chính sách thu phí 0 đồng trong tháng 4/2025. Sở Tài chính sẽ tổng hợp kết quả rà soát, đề xuất của các sở, ngành và địa phương, sau đó tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành chính sách này, dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2025.

Để triển khai hiệu quả Đề án 06/CP, Ban Chỉ đạo cũng đề nghị các sở, ngành đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ và hưởng lợi từ các tiện ích của đề án. Một số nội dung cần tập trung tuyên truyền bao gồm: Cấp phiếu lý lịch tư pháp, sổ sức khỏe điện tử, giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại qua ứng dụng VNeID; Chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt; Liên thông các thủ tục hành chính, giúp giảm bớt giấy tờ và thời gian xử lý...

Ban Chỉ đạo yêu cầu tăng cường kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công, đảm bảo không xảy ra tình trạng chậm trễ hoặc tồn đọng hồ sơ. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên không chỉ giúp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, mà còn tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp, hướng đến một chính quyền số hiện đại, minh bạch và phục vụ tốt hơn.

Nguồn: cadn.com.vn

THÀNH PHỐ HUẾ: SIẾT CHẶT KỶ LUẬT CÔNG VỤ

Nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng, tạo môi trường hành chính minh bạch, Ủy ban nhân dân TP. Huế ban hành Kế hoạch số 127/KH-UBND thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và Công điện số 724/CD-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ.

Kế hoạch nêu rõ, tập trung xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, góp phần xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả.

Một trong những nội dung quan trọng của kế hoạch là nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Các lãnh đạo phải gương mẫu thực hiện, chỉ đạo kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhằm ngăn chặn hành vi tiêu cực. Nếu để xảy ra sai phạm, lãnh đạo đơn vị sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định.

Kế hoạch yêu cầu các đơn vị hành chính tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xử lý nghiêm các cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, đồng thời công khai danh tính những cá nhân vi phạm trên cổng thông tin điện tử của thành phố.

Ủy ban nhân dân TP. Huế đặt mục tiêu đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị phải công khai minh bạch quy trình xử lý thủ tục hành chính, tránh tình trạng gây khó dễ, yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần không cần thiết.

Kế hoạch cũng nhấn mạnh việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để giám sát hoạt động công vụ. Những điểm tiếp xúc trực tiếp với người dân, doanh nghiệp sẽ được trang bị hệ thống giám sát hiện đại như ghi âm, ghi hình, giám sát trực tuyến nhằm đảm bảo công khai, minh bạch trong thực hiện nhiệm vụ.

Một trong những giải pháp quan trọng là phát huy vai trò giám sát của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng. Các cơ quan chức năng sẽ thiết lập đường dây nóng, hộp thư điện tử để tiếp nhận và xử lý kịp thời phản ánh, tố cáo từ người dân, doanh nghiệp về hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực; tập trung tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tôn vinh những điển hình tốt, đồng thời công khai kết quả xử lý các trường hợp vi phạm để tạo sức răn đe.

Với những giải pháp cụ thể và đồng bộ, Ủy ban nhân dân TP. Huế khẳng định quyết tâm xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, vì lợi ích của người dân và doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị liên quan sẽ phải báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đảm bảo công tác phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả cao nhất.

Kế hoạch này không chỉ hướng tới nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công mà còn góp phần xây dựng niềm tin của nhân dân vào chính quyền, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, phát triển kinh tế, xã hội bền vững cho TP. Huế.

Nguồn: huengaynay.vn

HẢI DƯƠNG: XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU LỚN, CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỒNG BỘ, TẠO NỀN TẢNG VỮNG CHẮC PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

Tỉnh Hải Dương mong muốn Trường Đại học Kinh tế hỗ trợ tỉnh có những giải pháp chuyên sâu nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu lớn và triển khai chuyển đổi số một cách bài bản, đồng bộ, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế số.

Chiều ngày 20/3/2025, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh Hải Dương làm việc với Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội để trao đổi về chủ đề “Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn trên nền tảng hệ thống báo cáo quản trị cấp tỉnh phục vụ chuyển đổi số nhằm phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh Hải Dương”.

Phát biểu tại Buổi làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Lê Ngọc Châu nhấn mạnh tỉnh Hải Dương xác định Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là yếu tố cốt lõi, đóng vai trò động lực quan trọng trong thúc đẩy đất nước phát triển.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Kế hoạch số 726/KH-UBND ngày 20/2/2025, xác định 30 nhóm chỉ tiêu, gồm 26 nhóm chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 và 4 nhóm chỉ tiêu đến năm 2045, cùng 10 nhóm nhiệm vụ trọng tâm với 81 nhiệm vụ cụ thể.

Để triển khai thực hiện, Ban Chỉ đạo đã giao cho Tổ giúp việc phối hợp các chuyên gia thực hiện rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin; các nền tảng dùng chung của tỉnh, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, nguồn nhân lực và hiện trạng triển khai đô thị thông minh tại 2 thành phố trong tỉnh Hải Dương. Trên cơ sở đó, xác định các nhiệm vụ cần triển khai, các hạng mục cần ưu tiên đầu tư, nâng cấp nhằm hoàn thiện hạ tầng, giải pháp để hoàn thành cơ sở dữ liệu dùng chung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Qua kiểm tra, đánh giá cho thấy, một số hệ thống đã đi vào hoạt động cơ bản đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu. Điển hình như Trung tâm Dữ liệu tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Kho dữ liệu điện tử cá nhân, tổ chức; Kho dữ liệu dùng chung; Cổng thông tin điện tử liên thông 3 cấp; Hệ thống thư điện tử công vụ; Trục kết nối liên thông dữ liệu cấp tỉnh Hải Dương. Tỉnh Hải Dương cũng đã hình thành 9 danh mục dữ liệu sẵn sàng kết nối, đây là nền tảng quan trọng để triển khai chính quyền điện tử.

Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ thông tin và nền tảng dữ liệu cho chuyển đổi số của tỉnh Hải Dương còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Trung tâm Dữ liệu tỉnh Hải Dương chưa bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, các hệ thống dùng chung chưa hoạt động hiệu quả, dữ liệu chưa đầy đủ, đồng bộ và nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ, chuyển đổi số tại các sở, ngành, địa phương của tỉnh còn thiếu và yếu.

Tỉnh Hải Dương mong muốn Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội đồng hành, tư vấn và hỗ trợ tỉnh trong việc xác định các nội dung trọng tâm cần triển khai về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đặc biệt là những giải pháp chuyên sâu nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu lớn và triển khai chuyển đổi số một cách bài bản, đồng bộ, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế số. Các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra cần được xác định một cách cụ thể, với lộ trình triển khai rõ ràng, có thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành, có kết quả, sản phẩm cụ thể. Việc này không chỉ giúp đánh giá chính xác mức độ tác động của các giải pháp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội mà còn là cơ sở để điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

Bên cạnh đó, để kinh tế số thực sự trở thành động lực phát triển bền vững, việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò then chốt. Tỉnh Hải Dương mong muốn hợp tác chặt chẽ với Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội trong việc xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu về kinh tế số, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ tiên tiến. Đồng thời, hỗ trợ triển khai các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số dành cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và người lao động, giúp nâng cao năng lực thích ứng với sự chuyển đổi mạnh mẽ của nền kinh tế số, góp phần thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Ngọc Châu đề nghị Trường Đại học Kinh tế chỉ ra những đầu việc tỉnh Hải Dương cần tập trung triển khai thời gian tới. Trên cơ sở đó, các thành viên Ban Chỉ đạo, các sở ngành phối hợp thực hiện.

Đề nghị Trường Đại học Kinh tế có nhóm chuyên gia hỗ trợ tỉnh Hải Dương hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện các bước xây dựng cơ sở dữ liệu lớn, trong đó quan tâm xây dựng các trường dữ liệu về đất đai.

Tại Buổi làm việc, PGS. TS. Nguyễn Trúc Lê, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Kinh tế chia sẻ 6 bước xây dựng cơ sở dữ liệu lớn. Việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu lớn đòi hỏi một quy trình chặt chẽ, tối ưu, áp dụng nguyên tắc “vừa chạy vừa xếp hàng” để bảo đảm tiến độ triển khai đồng thời với việc chuẩn hóa dữ liệu và hoàn thiện hệ thống.

Nguồn: baohaiduong.vn

SƠN LA: HUYỆN SÓP CỘP

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Năm 2025, huyện Sốp Cộp phấn đấu cắt giảm, đơn giản hóa 14 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực: Văn hóa, khoa học và thông tin, nội vụ, kinh tế, hạ tầng và đô thị, nông nghiệp và môi trường. Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, xã chủ động xây dựng kế hoạch, rà soát và đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính. Qua đó, cắt giảm chi phí, thời gian và tài chính của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp Vũ Văn Quân cho biết: Thực hiện công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân huyện thành lập tổ công tác, rà soát, tổng hợp các nội dung công việc hằng tuần; phân công nhiệm vụ cụ thể các cơ quan, đơn vị tham mưu về cải cách hành chính trên các lĩnh vực, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã đưa các nội dung về thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách thủ tục hành chính là một trong những tiêu chí để bình xét, đánh giá thi đua, khen thưởng kết quả nhiệm vụ hằng năm của cơ quan, đơn vị, cá nhân. Đồng thời, khuyến khích tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.

Bên cạnh đó, huyện tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức. Đồng thời, rà soát, loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo; công khai đầy đủ, kịp thời trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, trang thông tin điện tử huyện; niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả cấp huyện, xã theo quy định. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị hoạt động bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện, các xã; bố trí nhân sự phù hợp với năng lực, chuyên môn nghiệp vụ...

Đảm bảo công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính, huyện chỉ đạo các xã niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng, số điện thoại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ, công chức và nhân dân. Từ đầu năm đến nay, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện và các xã đã tiếp nhận, giải quyết 933 hồ sơ; trong đó, trước hạn 932 hồ sơ, 1 hồ sơ đang trong hạn giải quyết, không có hồ sơ tồn đọng quá hạn.

Chị Lò Thị Thoảng, công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Sốp Cộp, thông tin: Trước đây, xã chưa triển khai Bộ phận “Một cửa”, người dân đến giải quyết thủ tục hành chính không có chỗ ngồi đợi, việc giải quyết thủ tục hành chính mất nhiều thời gian. Hiện nay, phòng làm việc đảm bảo diện tích, có đủ máy tính, máy photocopy... Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân rất nhanh gọn.

Còn tại xã Dòm Cang, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phục vụ nhu cầu của người dân được quan tâm. Từ đầu năm đến nay, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã tiếp nhận, giải quyết 50 hồ sơ, 100% hồ sơ

được giải quyết trước hạn và đúng hạn. Ông Vi Văn Hiên, bản Dòm, xã Dòm Cang nói: Ủy ban nhân dân xã đã niêm yết công khai quy trình giải quyết thủ tục hành chính, cán bộ tiếp đón, hướng dẫn nhiệt tình, chu đáo, giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn, nhân dân phấn khởi.

Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được huyện Sốp Cộp triển khai hiệu quả. Đến nay, 100% dữ liệu hồ sơ tại phần mềm một cửa điện tử của huyện được tích hợp liên thông với Cổng dịch vụ công tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% văn bản chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện ký số, gửi trên phần mềm quản lý văn bản; duy trì phòng họp trực tuyến 100% số xã; 100% số cán bộ, công chức sử dụng phần mềm quản lý văn bản; 100% số văn bản của Ủy ban nhân dân huyện chuyển dưới dạng điện tử; 99,23% số văn bản phát hành đi sử dụng chứng thư số...

Hiện nay, huyện Sốp Cộp tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hành chính; nâng cao tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng và tỷ lệ sử dụng hòm thư công vụ, sử dụng chữ ký số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Nguồn: baosonla.org.vn

ĐIỆN BIÊN: TĂNG CƯỜNG TRIỂN KHAI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên vừa có văn bản yêu cầu các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính, và thực hiện dịch vụ công trên môi trường điện tử năm 2025. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước và cải thiện tiện ích giao dịch của người dân và doanh nghiệp.

Để thực hiện các nhiệm vụ này, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh cần chủ động xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thủ tục hành chính, đồng thời lấy ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về các quy định thủ tục hành chính và mẫu đánh giá tác động.

Các cơ quan cần phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, tham mưu cơ chế phân cấp, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt trong các lĩnh vực có nhiều thủ tục hành chính giao dịch như tư pháp, đất đai, xây dựng, thuế, bảo hiểm xã hội, lao động... Việc này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu thời gian và chi phí khi thực hiện thủ tục hành chính. Niêm yết công khai đầy đủ các thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cũng như trên cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Việc này giúp tăng cường tính minh bạch và tạo thuận lợi cho người dân khi tiếp cận thông tin.

Về công tác giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan thực hiện đầy đủ trình tự, thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp phải yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, các cơ quan chỉ được yêu cầu một lần và hạn chế tối đa tình trạng hồ sơ trễ hạn. Đối với các hồ sơ quá hạn, các cơ quan phải báo cáo và giải trình lý do trong các báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính hằng quý và năm. Công khai tiến độ giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Các cơ quan, đơn vị phải thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nhằm đảm bảo tính minh bạch và tiện lợi cho người dân.

Về dịch vụ công trực tuyến, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan chuyên môn triển khai hiệu quả các dịch vụ công thiết yếu theo các kế hoạch đã được phê duyệt. Các cơ quan cần rà soát các thủ tục hành chính đã được công bố và cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa. Đảm bảo 100% các thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. Các cơ quan cần phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính và đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cập nhật và chuẩn hóa dữ liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, đồng thời đảm bảo kết nối với các hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, đồng thời tham mưu giải quyết các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính.

Nguồn: baodienbienphu.com.vn

VĨNH PHÚC: XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ LÀ THEN CHỐT TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trung tâm Dữ liệu của tỉnh Vĩnh Phúc có hơn 60 máy chủ đang được vận hành thông suốt, cơ bản đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Những năm gần đây, tỉnh Vĩnh Phúc đã tập trung xây dựng và phát triển chính quyền số, coi đây là yếu tố then chốt trong chiến lược cải cách hành chính, góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh Vĩnh Phúc hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ, đổi mới căn bản hoạt động của bộ máy chính quyền, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân...

Tỉnh Vĩnh Phúc hiện có 5 nhà cung cấp dịch vụ điện thoại và 5 nhà cung cấp dịch vụ Internet. Sóng di động mạng 3G, 4G đã phủ 100% khu vực trên địa bàn, có hơn 60 trạm 5G của Viettel và VNPT. 100% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị đã được trang bị máy tính,

mạng LAN, kết nối Internet băng thông rộng cố định để phục vụ công tác chuyên môn; thực hiện kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng đến 169 đơn vị, địa phương, đồng bộ đến cấp xã.

Trung tâm Dữ liệu của tỉnh Vĩnh Phúc có hơn 60 máy chủ đang được vận hành thông suốt, cơ bản đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Phúc đã hoàn thiện tính năng số hóa hồ sơ, kết nối với kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia và kết nối với 23 hệ thống thông tin, thiết bị. Ngoài ra, hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai đồng bộ trên cùng một nền tảng cho 100% cơ quan, với khoảng 1.000 đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã và gần 11.000 tài khoản sử dụng; đã thực hiện liên thông qua trực liên thông văn bản quốc gia, bảo đảm tích hợp chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Toàn tỉnh Vĩnh Phúc có 3.119 cán bộ, công chức, viên chức làm chuyên trách và kiêm nhiệm chuyển đổi số, 149 công chức, viên chức làm chuyên trách và kiêm nhiệm về an toàn thông tin; 1.240 tổ công nghệ cộng đồng và đề án 06 với 9.880 thành viên. Cùng với đó, 92,96% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin.

Hiện, tỉnh Vĩnh Phúc có 762.284 tài khoản định danh điện tử được kích hoạt trên tổng số 980.226 công dân trên 14 tuổi, đạt 77% người dân đủ điều kiện. Tỉnh Vĩnh Phúc là một trong những tỉnh có tỷ lệ kích hoạt tài khoản định danh điện tử cao nhất cả nước. 100% cơ sở khám, chữa bệnh đã thực hiện nâng cấp phần mềm khám, chữa bệnh và đầu tư thiết bị để phục vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip hoặc ứng dụng VNeID...

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Vĩnh Phúc hiện có 1.865 dịch vụ công, trong đó có 954 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 645 dịch vụ công trực tuyến một phần và 266 dịch vụ cung cấp thông tin. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Để tăng tỷ lệ giải quyết dịch vụ công trực tuyến, phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn phối hợp thông tin, tuyên truyền về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về Đề án 06/CP phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử trên địa bàn. Các đơn vị triển khai việc kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu thuế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua cài đặt ứng dụng thuế điện tử cho thiết bị di động của ngành Thuế, tạo cơ sở để thống nhất thông tin quản lý, hỗ trợ cá nhân tra cứu nghĩa vụ thuế cũng như kê khai thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được thuận tiện và dễ dàng.

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố, huyện; các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn quán triệt công chức, viên chức, cá nhân người lao động thực hiện cài đặt, sử dụng chức năng trên ứng dụng thuế điện tử cho thiết bị di động eTax mobile từ đó tự tra soát nghĩa vụ thuế của cá nhân, thực hiện nộp thuế. Các đơn vị phân công cán bộ, cử đầu mối phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế trong đơn đốc, hướng dẫn đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân người lao động thực hiện cài đặt và sử dụng ứng dụng thuế điện tử cho thiết bị di động...

Nguồn: baovinhphuc.com.vn

LẠNG SƠN: NỮ CÁN BỘ “BỘ PHẬN MỘT CỬA” NHIỆT TÌNH, TRÁCH NHIỆM

Trong phong trào thi đua cao điểm “Nâng cao tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”, nhiều cá nhân và tập thể đã có đóng góp quan trọng, góp phần tạo nên những chuyển biến tích cực. Nổi bật trong số đó là chị Hoàng Thị Diệp, công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn đã vinh dự được nhận giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn vì có nhiều đóng góp tiêu biểu trong đợt thi đua năm 2024.

Chị Hoàng Thị Diệp, sinh năm 1981 (trú quán tại phố Hữu Vĩnh 1, thị trấn Bắc Sơn), hiện công tác tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn. Từ năm 2009 đến nay, chị gắn bó với Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận Một cửa), không chỉ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn mà còn tiên phong trong các phong trào thi đua do huyện và tỉnh phát động. Với vai trò là cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính của huyện, chị chủ động rà soát, tham mưu cắt giảm thủ tục hành chính, giúp nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại địa phương. Nhờ đó, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng và trước hạn của huyện luôn đạt 100%, công tác số hóa hồ sơ luôn dẫn đầu trong khối huyện, thành phố của tỉnh Lạng Sơn.

Chia sẻ về công việc, chị Hoàng Thị Diệp cho biết: “Công tác tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, tôi luôn nỗ lực tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến. Không chỉ hỗ trợ trực tiếp tại nơi làm việc, tôi còn tuyên truyền tại cơ sở, thông qua các nền tảng trực tuyến như: Zalo, Facebook, giúp người dân hiểu rõ về lợi ích cũng như các chính sách ưu đãi khi sử dụng hình thức này”.

Anh Hoàng Hải Quân, người dân xã Đồng Ý chia sẻ: “Trước đây, tôi khá ngỡ ngàng khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, nhưng nhờ có đồng chí Diệp hướng dẫn tận tình nên tôi đã hoàn thành hồ sơ nhanh chóng và thuận tiện”.

Xác định phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số là nhiệm vụ quan trọng, chị Diệp đã tích cực tham mưu và trực tiếp tham gia đợt thi đua cao điểm “Nâng cao tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”. Kết thúc đợt thi đua, huyện Bắc Sơn đạt tỷ lệ dịch vụ công phát sinh hồ sơ trực tuyến 100%, tăng 5% so với trước khi thực hiện phong trào; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt trên 62%, tăng 55,9% so với trước khi phát động thi đua.

Bên cạnh đó, chị Hoàng Thị Diệp còn chủ động tham mưu cho lãnh đạo đơn vị xây dựng kế hoạch kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Bà Phùng Thị Thanh Nga, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn đánh giá: “Qua nhiều năm công tác, đồng chí Hoàng Thị Diệp luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, chuyên môn vững và thái độ làm việc tận tâm. Không chỉ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và

giải quyết hồ sơ hành chính hiệu quả, đồng chí còn luôn gần gũi, thân thiện, nhiệt tình hỗ trợ người dân. Đặc biệt, trong phong trào thi đua vừa qua, sự chủ động và sáng tạo của đồng chí đã giúp huyện đạt kết quả ấn tượng trong lĩnh vực cải cách hành chính”.

Những nỗ lực, kết quả đạt được của chị Hoàng Thị Diệp không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính tại huyện Bắc Sơn mà còn là tấm gương tiêu biểu trong việc hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại địa phương.

Nguồn: baolangson.vn

PHÚ YÊN: CHUYÊN ĐỔI SỐ THỨC ĐẨY CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Tại tỉnh, phát triển chính quyền số được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhằm hiện đại hóa nền hành chính. Những tháng đầu năm 2025, tỉnh Phú Yên đã nằm trong tốp dẫn đầu cả nước về các Chỉ số đánh giá chuyển đổi số và cải cách hành chính. Điều này góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện các giao dịch giữa người dân với chính quyền, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Tại TP. Tuy Hòa, mô hình “Ngày không hẹn” trong xử lý các thủ tục hành chính cho người dân được triển khai ở tất cả phường, xã. Theo đó, vào các ngày thứ Ba, thứ Năm hằng tuần, công dân nộp hồ sơ có thành phần và nội dung đúng theo quy định sẽ được tiếp nhận, chuyển xử lý, giải quyết và trả kết quả không quá 2 giờ làm việc.

Chỉ trong thời gian ngắn, anh Trương Văn Dũng (phường Phú Đông, TP. Tuy Hòa) đã thực hiện xong thủ tục chứng thực. Nhờ sự hướng dẫn của cán bộ ở Bộ phận Một cửa, anh chỉ cần vài thao tác nhập thông tin trên điện thoại thông minh, thủ tục hành chính đã được xử lý. Thay vì phải chờ đợi như trước đây, nay việc kết nối giữa người dân với cán bộ được thực hiện nhanh, gọn...

Những tháng đầu năm 2025, nhiều chỉ số về cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Phú Yên cao hơn mức trung bình cả nước. Cụ thể: tỷ lệ hồ sơ trực tuyến là 94,10%; hồ sơ thanh toán trực tuyến là 76,85%; hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 99,35%; trong khi cả nước mức tương ứng là 52,90%, 63,62%, 68,03%... Tháng 2/2025, Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp thống kê trên Công dịch vụ công quốc gia của tỉnh đạt 83,08 điểm và xếp thứ 2/63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Giám đốc Sở Nội vụ Trương Ngọc Tuấn cho biết, các cơ quan, đơn vị của tỉnh Phú Yên đã chủ động, trách nhiệm trong thực hiện cải cách hành chính. Những nhiệm vụ trọng tâm được triển khai đồng bộ, hiệu quả đảm bảo cho việc cung cấp dịch vụ công đến người dân, doanh nghiệp. Quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn,

hoạt động hiệu lực, hiệu quả” không làm ảnh hưởng đến nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, người dân và doanh nghiệp. Địa phương đã hoàn thành việc tiếp nhận, xử lý 39/39 phản ánh, kiến nghị đúng hạn. Nhờ đó, tỷ lệ hài lòng về xử lý phản ánh, kiến nghị của tỉnh đạt 95%.

Tại tỉnh Phú Yên, 100% xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm; tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 76%... Để người dân thuận lợi tiếp cận với các nền tảng số, tỉnh đã duy trì hoạt động của 509 tổ công nghệ số cộng đồng với 3.149 thành viên tham gia hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng.

Theo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Đào Phạm Hoàng Quyên, địa phương đặt mục tiêu số hóa tất cả thủ tục hành chính và cung cấp trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Cùng với đó, hệ thống quản lý tài liệu điện tử, số hóa hồ sơ, tài liệu và chứng từ được thực hiện nhằm giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ, tăng tính hiệu quả và minh bạch... Để nâng cao hiệu quả ứng dụng số, chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”, tỉnh Phú Yên hướng tới sử dụng Big Data, trí tuệ nhân tạo (AI) để thu thập, phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, hỗ trợ việc dự báo và ra quyết định chính xác trong quản lý hành chính và phát triển kinh tế - xã hội...

Với mục đích tạo sự đột phá và thúc đẩy tăng trưởng GRDP đạt 8% trong năm 2025, tỉnh Phú Yên đang xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực công nghệ, tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác công - tư trong phát triển chuyển đổi số. Chính quyền địa phương có sự kết nối và hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn, tổ chức quốc tế để học hỏi và ứng dụng các mô hình thành công, triển khai các dự án chuyển đổi số hiệu quả.

Nguồn: bnews.vn/ttxvn

BÌNH DƯƠNG: TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ CÁC ỨNG DỤNG THUẾ ĐIỆN TỬ

Với phương châm “Hiện đại, sáng tạo, trách nhiệm, hiệu quả”, Chi cục Thuế khu vực XVI (Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh) đã và đang tập trung cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao đạo đức công vụ và tăng cường đối thoại, hỗ trợ qua nhiều kênh trực tuyến. Những giải pháp này không chỉ giúp người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế thuận lợi mà còn xây dựng hình ảnh cơ quan thuế chuyên nghiệp, minh bạch.

Tạo sự hài lòng cho người nộp thuế

Thực hiện cải cách hành chính là một trong những giải pháp quan trọng để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng đó, thời gian qua, Chi cục Thuế khu vực XVI đã cụ thể hóa

các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Bộ Tài chính và ngành Thuế liên quan đến lĩnh vực thuế, hướng đến tạo sự hài lòng cho doanh nghiệp và người nộp thuế.

Chị Nguyễn Nhật Lệ, ngụ phường Uyên Hưng, TP. Tân Uyên, chia sẻ: “Trước đây tôi phải đến cơ quan thuế để làm việc trực tiếp. Còn hiện nay, chỉ sau một lần được cán bộ ngành Thuế hỗ trợ cài đặt ứng dụng nộp thuế điện tử trên thiết bị di động (eTax Mobile) tôi có thể tiết kiệm được thời gian, đóng thuế tại nhà; việc tra cứu những thông tin về thuế, kê khai thuế cũng tiện lợi hơn rất nhiều, rất dễ hiểu, dễ thực hiện”.

Ông Nguyễn Văn Lương, đại diện Công ty TNHH Sungbu Global (TP. Tân Uyên) cho hay, cơ quan thuế đã hỗ trợ công ty về công tác chuyển đổi số cũng như các thủ tục hành chính, tuyên truyền, tập huấn cho doanh nghiệp hiểu các chính sách mới về thuế. Hiện nay, toàn bộ chứng từ liên quan đến ngành Thuế công ty đều làm online. Làm việc trên môi trường số giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian; công tác trao đổi thông tin cũng tiện lợi hơn rất nhiều.

Ông Lý Minh Khiết Tâm, Đội trưởng Đội thuế liên huyện Tân Uyên, nói: “Chúng tôi thực hiện nghiêm các điều kỷ luật của ngành Thuế. Ở mỗi vị trí, cán bộ, công chức phát huy tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc, tận tình hỗ trợ người nộp thuế từ khi bắt đầu đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế đến hoàn thuế...”.

Triển khai toàn diện

Bắt kịp xu hướng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thời gian qua, cùng với việc tham mưu triển khai nhanh chóng, hiệu quả các chính sách thuế đến cộng đồng doanh nghiệp và người dân, Chi cục Thuế khu vực XVI đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành đẩy mạnh tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế và các quy trình, nghiệp vụ quản lý thuế để người nộp thuế dễ dàng tiếp cận và thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước. Trong đó, chi cục chủ động đổi mới hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế thông qua việc phối hợp với cơ quan báo chí xây dựng các chuyên đề “Thuế và đời sống”, phổ biến pháp luật thuế, hỗ trợ hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp trong việc thi hành các chính sách thuế trên website, mạng xã hội...

Bên cạnh đó, Chi cục Thuế khu vực XVI đẩy mạnh quản lý thuế trên nền tảng số, trên ứng dụng eTax Mobile. Theo đó, đến nay chi cục đã triển khai đến gần 65.000 tài khoản người nộp thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, đồng thời tăng cường vai trò giám sát của NNT và giữa các hộ kinh doanh, tạo công bằng, minh bạch. Cùng với đó, thông qua việc tổ chức “Tháng hỗ trợ quyết toán thuế và lắng nghe người nộp thuế”, chi cục bố trí nhân sự trực tiếp hướng dẫn quyết toán thuế và hướng dẫn sử dụng eTax Mobile, hỗ trợ trực tiếp xử lý vướng mắc của người nộp thuế qua nhiều hình thức; xây dựng kênh thông tin hỗ trợ người nộp thuế và các phương thức điện tử như Zalo, Email, hệ thống tin nhắn điện tử SMS... của ngành Thuế. Qua đó, ngành thuế ngày càng phục vụ tốt hơn nhu cầu khai thác, tra cứu thông tin của người nộp thuế, mang lại hiệu quả cao và tiết kiệm chi phí cho cơ quan thuế.

Tính đến cuối năm 2024, 100% hồ sơ được ngành thuế tỉnh Bình Dương giải quyết trước hạn và đúng hạn. Nhìn chung, hệ thống thuế điện tử được triển khai toàn diện; hệ thống thuế điện tử eTax được đẩy mạnh thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, từ đó góp phần

tiết kiệm thời gian và chi phí cho người nộp thuế. Với những giải pháp kịp thời, quyết liệt, ngành thuế tỉnh Bình Dương đã nhận được đánh giá tích cực từ phía người nộp thuế, mức độ hài lòng của người nộp thuế năm 2024 đạt 94,6%.

Trong thời gian tới, Chi cục Thuế khu vực XVI tiếp tục đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa, đổi mới cơ chế quản lý theo tinh thần hợp tác, đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số mạnh mẽ với mục tiêu tiến tới tài chính số...

Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XVI Nguyễn Văn Công cho biết, nhằm nâng cao đạo đức công vụ, đơn vị thường xuyên tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ý thức trách nhiệm để mỗi cán bộ, công chức thuế có đầy đủ năng lực, kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ, luôn tận tâm trong công việc và thân thiện với người nộp thuế, đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế trong tình hình mới.

Nguồn: baobinhduong.vn

AN GIANG: PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ.

Nhiều kết quả nổi bật

Theo Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày 09/01/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định (đã có 50/63 địa phương và 14/22 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết).

Chính phủ đã kiện toàn ban chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ làm trưởng ban (có 2 Bộ, 15 địa phương kiện toàn Ban Chỉ đạo). Chính phủ, Thủ tướng ban hành 15 nghị quyết, 12 quyết định, 9 chỉ thị, 7 công điện về chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06. Tổ chức 25 phiên họp và hội nghị trực tuyến toàn quốc về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và triển khai Đề án 06 (năm 2024 và 2 tháng đầu năm 2025).

Cùng với đó, Quốc hội đã ban hành 4 luật và Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Chính phủ đã ban hành 32 nghị định; các Bộ ban hành theo thẩm quyền 34 thông tư... Đã đơn giản hóa 379/1.084 thủ tục hành chính. Tổng số thủ tục hành chính được các Bộ, cơ quan thực thi phương án là 964/1.084 thủ tục hành chính, đạt

89%; có 8 Bộ, cơ quan hoàn thành 100%. Có 63/63 địa phương đã ban hành nghị quyết miễn giảm phí, lệ phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

Chuyển đổi số Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Từ tháng 10/2024, Việt Nam đã chính thức thương mại hóa dịch vụ viễn thông 5G. Tốc độ Internet năm 2024 xếp thứ 37, tăng 7 bậc so năm 2023. Đưa thêm 1 tuyến cáp quang biển đi quốc tế lớn nhất từ trước đến nay vào hoạt động. Thương mại điện tử tiếp tục phát triển mạnh mẽ (năm 2024, đạt 28 tỷ USD, tăng 36%). Công nghiệp ICT phát triển khá (doanh thu năm 2024 đạt 152 tỷ USD, tăng 10,9%). Công nghiệp bán dẫn có doanh thu 18,7 tỷ USD, với 50 doanh nghiệp thiết kế vi mạch và 6.000 kỹ sư thiết kế. Doanh thu phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin tăng mạnh (năm 2024, đạt 18 tỷ USD, tăng 38,5%).

Tỉnh An Giang quyết liệt thực hiện

Tại tỉnh An Giang, công tác cải cách hành chính được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo. Tăng cường chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ. Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia những tháng đầu năm 2025 cho thấy: Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt 19,4/20 điểm (tỷ lệ 97%). Tỷ lệ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 96,91% (134.781/139.084 hồ sơ)... Với tinh thần khẩn trương, “vừa chạy, vừa xếp hàng”, tỉnh An Giang đã hoàn thành việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh đúng tiến độ yêu cầu của Trung ương; cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó...

Về hạ tầng công nghệ thông tin, Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trong tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp; 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối Internet phục vụ quản lý, điều hành; 100% cơ quan Nhà nước có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là 71,29%; tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là 74,7%; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định là 83,17%; tỷ lệ phủ rộng mạng băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các địa bàn và đang triển khai 5G. Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đến xã, phường, thị trấn, khóm, ấp: Đã thành lập 1.035 tổ công nghệ số cộng đồng, có 7.991 thành viên tham gia...

Định hướng phát triển

Chủ trì phiên họp lần thứ nhất của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính (Trưởng ban Ban Chỉ đạo) nhấn mạnh, cải cách hành chính, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 là những công việc được tích cực triển khai những năm qua, nhưng cần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả. Để thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển đất nước (phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao), yêu cầu đặt ra là phải đột phá hơn,

mạnh mẽ hơn, quyết tâm, quyết liệt hơn nữa trong hành động; đề ra chủ trương, đường lối sát tình hình, huy động sức mạnh tổng hợp của Nhân dân, xã hội, nguồn lực trong và ngoài nước, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để phát triển nhanh, bền vững...

Nhấn mạnh tầm quan trọng của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, đây là những công việc “không làm không được, nhưng làm phải có hiệu quả, chuyên mạnh mẽ từ nhận thức thành hành động, mang lại kết quả cụ thể, lợi ích cho quốc gia, dân tộc và Nhân dân”... Định hướng thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ 5 quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, 3 nhiệm vụ quan trọng, trong đó nhấn mạnh việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh số hóa quốc gia và phát triển công dân số. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải hoàn thiện thể chế thông thoáng, phát triển hạ tầng thông suốt, tăng cường phủ sóng 5G, hệ thống cáp quang, vệ tinh, nhất là cơ sở dữ liệu. Các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và đào tạo xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nhân lực đáp ứng phát triển...

Nguồn: baoangiang.com.vn

HÀNH VI LỆCH CHUẨN TRONG GIAO TIẾP, ỨNG XỬ CÔNG VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC - NGUYÊN NHÂN VÀ BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI

Tóm tắt: Trong thực thi công vụ, hầu hết đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện tốt công việc có kết quả, hiệu quả. Tuy nhiên, còn có một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thể hiện những hành vi lệch chuẩn, không phù hợp với các quy định, chuẩn mực, quy tắc văn hóa, đạo đức, làm ảnh hưởng xấu đến kết quả, hiệu quả và làm xấu đi hình ảnh của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nền công vụ. Từ nhận diện hành vi lệch chuẩn đối với tinh thần, thái độ làm việc, chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, chuẩn mực đạo đức, lối sống, bài viết đưa ra một số biện pháp hạn chế, ngăn chặn những hành vi lệch chuẩn như, hoàn thiện hệ thống các quy định, quy tắc chung và công tác kiểm tra, giám sát thực thi văn hóa, đạo đức công vụ.

Chuẩn hành vi và sự lệch chuẩn hành vi

Hành vi của con người được xem là toàn bộ những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra ngoài của một người trong một hoàn cảnh cụ thể. Có người cho rằng hành vi bao gồm một hay nhiều hành động nối tiếp nhau một cách tương đối nhằm đạt được mục đích để thỏa mãn nhu cầu của con người. Con người là một chủ thể tích cực nên không chỉ là một cá thể thích nghi thụ động với môi trường, do đó hành vi của con người bao giờ cũng có mục đích, nhằm đảm bảo cho con người tồn tại và phát triển. Xem xét trong môi trường công vụ, hành vi giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức là toàn bộ cách thức giao tiếp, ứng xử của họ biểu hiện ra bên ngoài có thể quan sát được trong thực thi công vụ.

Trong thực thi công vụ, cán bộ, công chức, viên chức được yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ với thái độ nhiệt tình, tận tụy, đúng quy trình đáp ứng được yêu cầu chung, làm hài lòng khách hàng, người dân và đảm bảo kết quả, hiệu quả. Hành vi thực thi công vụ tốt này được coi là chuẩn hành vi, là khuôn mẫu mà mọi cán bộ, công chức, viên chức cần tuân thủ, phát huy.

Chuẩn hành vi chính là chuẩn mực do quy ước của cộng đồng, tổ chức hay xã hội đặt ra, dựa trên cơ sở những yêu cầu chung của cộng đồng, tổ chức, xã hội nhằm định hình khuôn mẫu của cá nhân phải tuân theo. Như vậy, trong môi trường công vụ, chuẩn hành vi của cán bộ, công chức, viên chức chính là những chuẩn mực do nền công vụ đưa ra tạo thành những khuôn mẫu nhất định mà cán bộ, công chức, viên chức phải tuân theo. Thông thường được chia thành 3 loại chuẩn hành vi: 1) Chuẩn mực hành vi do quy ước của tổ chức, cộng đồng đặt ra theo những yêu cầu chung nhằm định dạng hành vi mẫu; 2) Chuẩn mực theo số đông của tổ chức, cộng đồng, nghĩa là đại đa số hành vi của cá nhân trong tổ chức tương tự nhau, được lặp đi lặp lại giống nhau trong những tình huống cụ thể xác định thì hành vi đó là phù hợp là chuẩn; 3) Chuẩn mực hành vi theo chức năng, nghĩa là cá nhân xác định hành vi theo mục đích hoạt động của mình, hành vi chuẩn là phù hợp với mục tiêu đặt ra.

Rõ ràng, trong thực thi công vụ, cán bộ, công chức, viên chức phải thi hành những chuẩn hành vi do tổ chức đưa ra và có thể theo những hành vi hợp chuẩn của tổ chức đó phù hợp với quy chuẩn chung và có thể là những hành vi cá nhân xác định theo mục tiêu của mình nhưng phù hợp với quy chuẩn. Song, thực tiễn có nhiều lý do khác nhau mà có những cán bộ, công chức, viên chức không thực hiện theo những chuẩn mực đó, làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả công việc, làm xấu đi hình ảnh của Nhà nước, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thì đó là sự lệch chuẩn.

Hành vi lệch chuẩn là những hành vi thể hiện sai lệch chuẩn mực, quy định, quy tắc văn hóa công vụ của ngành, của cơ quan, tổ chức; lợi dụng các quy định, quy tắc của ngành, của cơ quan, tổ chức để trục lợi cho bản thân và nhóm.

Loại hành vi lệch chuẩn gây ảnh hưởng không tốt, làm xấu đi đối với hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức cần được nghiên cứu xem xét thấu đáo để có những biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu và chấm dứt nó trong hoạt động công vụ. Thông thường, các nhà nghiên cứu cho rằng có hai loại lệch chuẩn khác nhau là lệch chuẩn thụ động và lệch chuẩn chủ động. Trong đó, lệch chuẩn thụ động là những hành vi cá nhân có sai lệch do nhận thức chưa đầy đủ, nhận thức sai các chuẩn mực đạo đức, văn hóa; còn lệch chuẩn chủ động là những hành vi cá nhân cố ý làm khác so với người khác. Họ nhận thức được yêu cầu của cộng đồng, tổ chức nhưng họ vẫn hành động theo ý mình dù biết là không phù hợp.

Thực tiễn hoạt động giao tiếp, ứng xử trong thực thi công vụ có thể xác định các loại lệch chuẩn hành vi ở cấp độ cá nhân và nhóm. Lệch chuẩn cá nhân được xác định là những hành vi của cá nhân không phù hợp với quy tắc văn hóa, đạo đức, các quy định của nhóm, của tổ chức đã được xác lập trong thực tế. Lệch chuẩn nhóm chính là những hành vi của nhóm (đội, phòng, tổ chức, đơn vị...) trái với quy tắc chung của hệ thống, của xã hội đã được thừa nhận.

Tuy nhiên, trong hoạt động giao tiếp, ứng xử công vụ cũng có lệch chuẩn nhóm tích cực và tiêu cực. Lệch chuẩn nhóm tích cực là những lệch chuẩn mang tính đột phá, tiên phong so với các hành vi chuẩn mực sẵn có. Những lệch chuẩn này mang tính thúc đẩy sự phát triển. Lệch chuẩn nhóm tiêu cực chính là những lệch chuẩn đi ngược lại với sự tiến bộ của hoạt động công vụ, của xã hội nói chung.

Hành vi lệch chuẩn trong giao tiếp, ứng xử công vụ của cán bộ, công chức, viên chức ***Giao tiếp, ứng xử công vụ của cán bộ, công chức, viên chức***

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn căn dặn: “Đối với tất cả mọi người trong các tầng lớp dân chúng, ta phải có một thái độ mềm dẻo, khôn khéo, biết nhân nhượng, biết trân trọng nhân cách của người ta”(1). Trong giao tiếp, ứng xử công vụ, Người luôn thể hiện phong thái giản dị, gần gũi, cởi mở, tế nhị, chu đáo với mọi người; luôn có thái độ chân thành, khoan dung độ lượng và xử lý khéo léo, hiệu quả các tình huống giao tiếp(2). Như vậy, trong giao tiếp, ứng xử công vụ, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần lưu ý đến những yếu tố cơ bản như: các nguyên tắc đạo đức ứng xử cốt lõi: trung thành, tận tụy, tôn trọng, lễ phép, quan tâm giúp đỡ...; các yếu tố, các phẩm chất nhân cách làm nền tảng cho giao tiếp ứng xử: cần,

kiệm, liêm chính, chí công vô tư; các kỹ năng giao tiếp, ứng xử linh hoạt, khéo léo, thay đổi theo từng loại đối tượng. Với những nội dung cơ bản này, giao tiếp, ứng xử công vụ của cán bộ, công chức, viên chức có các đặc trưng chủ yếu sau: 1) Giao tiếp, ứng xử hướng vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ hiệu lực, hiệu quả, trung thành. 2) Văn hóa giao tiếp, ứng xử thể hiện sự tận tụy, tận tâm, liêm chính, chuyên nghiệp, trách nhiệm. 3) Văn hóa giao tiếp, ứng xử trong công vụ là hướng đến phục vụ nhân dân, đất nước, hết lòng tin yêu, giúp đỡ nhân dân và được nhân dân tin yêu.

Qua đó, có thể thấy, giao tiếp, ứng xử công vụ làm thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi, góp phần hình thành phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức; giúp xây dựng và củng cố mối quan hệ tốt đẹp với Nhân dân, cá nhân, tổ chức khác, tạo ra sự tôn trọng, hiểu biết, cảm thông, chia sẻ, tương tác; là nhân tố quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi công vụ; là một biện pháp giáo dục hiệu quả...

Nhận diện các hành vi lệch chuẩn trong giao tiếp, ứng xử công vụ của cán bộ, công chức, viên chức - nguyên nhân và hậu quả

Các hành vi lệch chuẩn trong giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức có thể nhận diện thông qua các cách thức như: qua báo cáo kết quả kiểm tra, qua các phương tiện truyền thông đại chúng, qua đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực thi công vụ, qua công tác tự phê bình và phê bình... Nhìn chung, các hành vi lệch chuẩn trong giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức có thể nhận diện qua các hành vi vi phạm các quy định chung, các quy tắc, chuẩn mực giao tiếp, ứng xử sau:

Một là, nhóm hành vi vi phạm quy tắc giao tiếp ứng xử chung: quy chế làm việc, quy trình công tác, quy định về bí mật nhà nước, bí mật nghiệp vụ.

Hai là, các hành vi vi phạm, thực hiện chưa chuẩn quy tắc ứng xử trong nội bộ: ứng xử với cấp trên, ứng xử với cấp dưới, ứng xử cùng cấp.

Ba là, các hành vi vi phạm, thực hiện chưa chuẩn quy tắc yêu cầu trong thực thi công vụ: ứng xử, giao tiếp qua các phương tiện thông tin liên lạc, ứng xử với nhân dân, ứng xử với người vi phạm pháp luật, ứng xử với tổ chức, cá nhân nước ngoài...

Bốn là, các hành vi chưa đúng trong giao tiếp, ứng xử trong gia đình, ứng xử nơi cư trú, ứng xử nơi công cộng, ứng xử với môi trường tự nhiên.

Những hành vi lệch chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ có thể xuất phát từ các nguyên nhân chủ yếu sau: 1) Do cá nhân nhận thức sai, không đầy đủ các chuẩn mực; 2) Do quan điểm riêng của cá nhân khác với chuẩn mực chung; 3) Do cá nhân biết mình sai lệch nhưng vẫn cố tình vi phạm; 4) Có thể do biến dạng của các chuẩn mực chung, các chuẩn mực không còn phù hợp với điều kiện xã hội lịch sử cụ thể, hoặc không ổn định, không rõ rệt.

Từ những hành vi lệch chuẩn của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, có thể dẫn đến những hậu quả như: vi phạm pháp luật, gây tổn thất cho xã hội, làm tổn hại đến hoạt động công vụ, đến an ninh, trật tự xã hội; tham ô, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực gây tổn thất về kinh tế, mất lòng tin của nhân dân, của công chúng vào đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức và nền công vụ, vào Nhà nước; vi phạm chuẩn đạo đức, gây những hậu quả trực tiếp, gián tiếp ảnh hưởng công việc, làm nguy hại đến chất lượng, hiệu quả hiệu lực trong thực thi công vụ, làm suy thoái nhân cách, nêu gương xấu cho thế hệ trẻ...

Tuy nhiên, khi xem xét hậu quả của hành vi lệch chuẩn cần nhìn nhận trên hai phương diện sau: 1) Hậu quả của hành vi lệch chuẩn có thể mang nội dung, tính chất tích cực, tiến bộ, cách tân nếu như nó phá vỡ hiệu lực, sự chi phối của các chuẩn mực xã hội đã lạc hậu, lỗi thời, đang kìm hãm phát triển của các cá nhân và xã hội. Khi đó, hành vi sai lệch có thể góp phần làm thay đổi nhận thức chung của cộng đồng xã hội và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội trong cộng đồng. 2) Hậu quả của hành vi lệch chuẩn có thể mang lại nội dung và tính chất tiêu cực, ảnh hưởng xấu hoặc nguy hiểm cho hệ thống, tổ chức, cho xã hội nếu nó vi phạm, phá hoại tính ổn định, sự tác động của những chuẩn mực xã hội phù hợp, tiến bộ, đang phát triển, thịnh hành và được thừa nhận rộng rãi trong xã hội.

Một số biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi các hành vi lệch chuẩn trong giao tiếp, ứng xử công vụ của cán bộ, công chức, viên chức

Để tổ chức thực hiện tốt các chuẩn hành vi, các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, các quy định về quy tắc giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ nhằm hạn chế, loại bỏ, ngăn chặn, đẩy lùi những hành vi lệch chuẩn có ảnh hưởng làm hại, làm xấu đi kết quả, hiệu quả thực thi công vụ, xin đề xuất một số biện pháp sau:

Một là, hoàn thiện khung pháp lý, các quy định, quy tắc, yêu cầu về giao tiếp ứng xử trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục, bồi dưỡng về văn hóa giao tiếp, ứng xử trong công vụ đảm bảo sáng tạo, hấp dẫn, linh hoạt thu hút sự chú ý, tập trung của cán bộ, công chức, viên chức.

Hai là, thực hiện giáo dục nhận thức sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về chuẩn hành vi giao tiếp ứng xử trong thực thi công vụ. Nâng cao nhận thức, giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt các quy định, các chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử; đồng thời phát huy lan tỏa hành vi đẹp, gương mẫu trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Lãnh đạo, quản lý các cấp cần quan tâm, chú trọng đến việc hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi những suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và xây dựng lối sống văn hóa, nhân văn trong thực thi công vụ, thể hiện qua tác phong, cử chỉ, lời nói thường ngày.

Ba là, thực hiện nghiêm túc công tác khen thưởng, kỷ luật trong thực thi công vụ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong hoạt động giao tiếp, ứng xử, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, thoái hóa biến chất,... để giáo dục, răn đe làm gương. Xây dựng hình ảnh người cán bộ, công chức, viên chức mẫu mực thông qua phát động phong trào “Xây dựng hình ảnh người cán bộ, công chức, viên chức” và vinh danh cá nhân đạt chuẩn đại diện hình ảnh người cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp tỉnh và toàn ngành. Hình thành bộ phận “đạo đức và văn hóa công vụ” giúp lãnh đạo các cấp về thực thi văn hóa, đạo đức công vụ, nhằm xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng

động, minh bạch, hiệu quả và thực tài, hướng tới những giá trị cao cả: Quốc gia, Danh dự, Liêm chính, Phục vụ.

PGS. TS. Ngô Thành Can, giảng viên cao cấp, Học viện Hành chính Quốc gia
Nguồn: *tcmn.vn*

Ghi chú:

- (1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2000, tập 4, tr.48
- (2) <https://tienphong.vn/net-dac-sac-trong-van-hoa-giao-tiep-ho-chi-minh-post714782.tpo>

Tài liệu tham khảo:

1. Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.
2. Học viện Hành chính Quốc gia (2020), Tài liệu bồi dưỡng Văn hóa công vụ, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Học viện Hành chính (2012), Giáo trình Đạo đức công vụ, Nxb Lao động, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2009), Toàn tập, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ngô Thành Can (chủ biên), Đạo đức công chức trong thực thi công vụ, Nxb Tư pháp (2016), tái bản các năm 2019, 2023.
6. Luật Công vụ Anh quốc (2015). <https://www.gov.uk/government/publications/civil-service-code/the-civil-service-code>
7. Luật Giá trị và đạo đức công vụ Canada (2003). https://www.tbs-sct.canada.ca/pubs_pol/hrpubs/tb_851/vec-cve-eng.pdf
8. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở" giai đoạn 2019 - 2025.
9. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/de-xuat-10-chuan-muc-giao-tiep-ung-xu-cua-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-119230319094925977.htm>

DẤU ẤN CUỘC CÁCH MẠNG TINH GỌN BỘ MÁY

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước thực sự là một cuộc cách mạng trong toàn hệ thống chính trị. Thời gian qua, quá trình này đã đạt được những kết quả tích cực, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển tiếp theo.

Sắp xếp bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương

Thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc cải cách tổ chức bộ máy hành chính, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Nhiều Nghị định, văn bản đã được ban hành để hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước. Trong đó, Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhiều văn bản quy phạm pháp luật cần thiết để bảo đảm tiến độ cải cách.

Trong Quý I/2025, Quốc hội đã thông qua nhiều luật, nghị quyết quan trọng như: Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi); Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội; 1 Nghị quyết về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; 4 Nghị quyết để thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Quốc hội, Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; đặc biệt là Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của Chính phủ, cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (2021 - 2026) và kiện toàn 06 chức danh thành viên Chính phủ (gồm: 02 Phó Thủ tướng và 04 Bộ trưởng).

Theo đó, cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 17 Bộ, ngành (gồm: 14 Bộ và 3 cơ quan ngang Bộ), giảm 5 Bộ, ngành so với trước đây.

Thực hiện Kế hoạch của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, các Nghị quyết của Quốc hội, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, đặc biệt là các cơ quan thuộc diện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo định hướng của Trung ương đã khẩn trương xây dựng đề án, văn bản quy định liên quan đến sắp xếp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; chủ động, kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 176/2025/QH15 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, đến nay, 13/14 Bộ, 2/3 cơ quan ngang Bộ và 5/5 cơ quan thuộc Chính phủ đã được Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.

Về tổ chức bên trong các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, giảm 13/13 tổng cục và tổ chức tương đương, giảm 519 cục và tổ chức tương đương, giảm 219 vụ và tổ chức tương đương, giảm 3.303 chi cục và tương đương chi cục.

Đối với các địa phương, 63 tỉnh và thành phố theo chỉ đạo chung của Chính phủ đã giảm 343 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 1.454 cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bên cạnh đó, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cũng như chính quyền địa phương đã giảm rất rõ rệt.

Tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

Song song với việc cải cách tổ chức các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm.

Kết quả rà soát cho thấy, tổng số biên chế công chức, viên chức của Bộ, ngành, địa phương tinh giản theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ là 16.149 người. Sau quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, số lượng biên chế tại các Bộ, ngành giảm khoảng 22.323 người (đạt khoảng 20%).

Các Bộ, ngành, địa phương về cơ bản đã sử dụng đúng số biên chế được giao, không vượt quá số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Đến hết tháng 12/2024, 100% Bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt đề án vị trí việc làm. Bộ Nội vụ đã tổng hợp kết quả phê duyệt vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập với tổng số vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính là 840 vị trí; tổng số vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập là 559 vị trí; vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã là 17 vị trí.

Đối với cải cách tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, hiện nay, Bộ Nội vụ đang tập trung tham mưu triển khai thực hiện Kết luận số 121-KL/TW, Kết luận số 126-KL/TW và Kết luận số 127-KL/TW thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, trong đó có việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm thận trọng, kỹ lưỡng, chất lượng, triển khai sắp xếp, sáp nhập cấp tỉnh, bỏ cấp huyện, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp.

Việc này hướng đến xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy có tính ổn định lâu dài, có tầm nhìn chiến lược cho sự phát triển chung của đất nước, bảo đảm phù hợp với các yếu tố lịch sử, văn hóa, truyền thống, tôn giáo, dân tộc, quốc phòng, an ninh và gắn kết chặt chẽ với các vấn đề địa chính trị, địa lý, địa kinh tế, địa văn hóa, địa dân cư; tạo lập không gian cho sự phát triển bền vững làm cơ sở nền tảng thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước trong kỷ nguyên mới và hỗ trợ các địa phương cùng phát triển.

Đồng thời, cũng đáp ứng xu thế quản trị chung của các quốc gia trên thế giới về thực hiện tinh gọn hệ thống tổ chức bộ máy bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả gắn với việc

ơ cấu, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Nguồn: baochinhpvu.vn

TINH GỌN BỘ MÁY: ĐẢM BẢO TỐI ĐA QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NHÂN DÂN

Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó đề ra chủ trương sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện và tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.

Đây là bước đi quan trọng trong tiến trình cải cách hành chính, góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và tối ưu hóa nguồn lực. Nhiều chuyên gia cho rằng, để chủ trương này được triển khai hiệu quả, cần có lộ trình phù hợp và giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo tính hợp lý trong tổ chức bộ máy, tránh gây áp lực quá tải cho chính quyền cơ sở và bảo đảm tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Đề xuất thí điểm quy mô nhỏ

Theo Giáo sư, Tiến sỹ khoa học Đặng Huy Huỳnh, Chủ tịch Hội Cây Di sản Việt Nam, việc tổ chức lại bộ máy theo hướng tinh gọn là bước đi cần thiết, phù hợp với xu hướng cải cách hành chính tại nhiều quốc gia trên thế giới như Đan Mạch với việc giảm số đơn vị hành chính, giúp tiết kiệm ngân sách, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý; Pháp với việc giảm số lượng vùng hành chính.

Khẳng định ủng hộ chủ trương trên, Giáo sư Đặng Huy Huỳnh cũng chỉ ra một số thách thức Việt Nam cần lưu ý. Đó là, khi bỏ cấp huyện, chính quyền cấp xã có thể phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ hơn, dẫn đến nguy cơ quá tải. Điều này đòi hỏi phải có sự điều chỉnh hợp lý về tổ chức, nhân sự, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ để giảm bớt khối lượng công việc thủ công.

Bên cạnh đó, để chủ trương này được triển khai hiệu quả, Giáo sư Đặng Huy Huỳnh cho rằng, việc thí điểm tại một số địa phương có quy mô nhỏ là cần thiết nhằm đánh giá tác động, rút kinh nghiệm trước khi mở rộng trên phạm vi toàn quốc. Bên cạnh đó, cần phân cấp mạnh hơn cho địa phương, tăng quyền tự chủ cho chính quyền cấp xã nhằm đảm bảo hoạt động quản lý không bị gián đoạn.

Giáo sư Đặng Huy Huỳnh cũng đề cập tới giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số. Theo đó, đầu tư vào hệ thống chính quyền điện tử nhằm hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến, giảm áp lực cho bộ máy hành chính cấp xã. Đồng thời, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, giúp họ thích ứng với sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức và nâng cao năng lực quản lý nhà nước.

Việc đảm bảo nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng cũng là yếu tố quan trọng giúp chính quyền cấp xã có đủ điều kiện thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ mới khi tiếp nhận nhiệm vụ từ cấp huyện. Tinh gọn bộ máy không chỉ là việc sáp nhập đơn vị hành chính mà còn cần đổi mới phương thức quản lý, ứng dụng công nghệ và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ. Nếu thực hiện đúng cách, đây sẽ là bước đột phá trong cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ người dân tốt hơn.

Tạo thuận lợi tối đa cho người dân

Không chỉ nhận được sự đồng thuận từ giới chuyên gia, nhà khoa học, chủ trương tinh gọn bộ máy cũng được nhiều người dân ủng hộ. Tuy nhiên, bên cạnh sự đồng tình, nhiều ý kiến bày tỏ băn khoăn về khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công khi không còn cấp huyện.

Theo ông Nguyễn Tiến Vinh, Phó Bí thư Chi bộ tổ dân phố số 3, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, việc bỏ cấp huyện hoặc tương đương có thể khiến người dân phải di chuyển xa hơn khi phải thực hiện các thủ tục hành chính. Hiện tại, nhiều người đã quen với việc lên huyện giải quyết các giấy tờ như đăng ký khai sinh, chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký kinh doanh... Nếu các thủ tục này được chuyển lên cấp tỉnh hoặc xuống cấp xã, cần có cơ chế hợp lý để đảm bảo thuận tiện cho người dân. Ngoài ra, cần xét đến năng lực xử lý công việc của chính quyền cấp xã khi tiếp nhận thêm nhiệm vụ từ cấp huyện. Cán bộ cấp xã hiện nay đã rất bận rộn, việc gia tăng thêm trách nhiệm có thể ảnh hưởng đến tốc độ giải quyết công việc. Do đó, cần có kế hoạch cụ thể để đảm bảo không gây áp lực cũng như không làm giảm hiệu quả phục vụ người dân.

Trước thực tế này, ông Vinh đề xuất mở rộng dịch vụ hành chính công trực tuyến giúp người dân có thể thực hiện các thủ tục giấy tờ tại nhà mà không cần di chuyển xa. Đồng thời, cần thiết lập các trung tâm hành chính liên vùng, tạo điều kiện để người dân thực hiện thủ tục nhanh chóng mà không phải lên tận tỉnh. Bên cạnh đó, cần tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn để người dân hiểu rõ lộ trình thực hiện và cách thức vận hành mới, từ đó chủ động thích nghi với sự thay đổi. Nếu chính quyền có kế hoạch cụ thể và đầu tư vào công nghệ, việc bỏ cấp huyện sẽ hợp lý, giúp giảm thủ tục hành chính và tạo thuận lợi hơn cho người dân.

Nguồn: baotintuc.vn/ttxvn

TINH GỌN BỘ MÁY ĐỂ QUYẾT ĐỊNH VIỆT NAM CÓ VƯƠN TỚI HÙNG CƯỜNG HAY KHÔNG?

Theo TS. Nhị Lê, tinh gọn bộ máy là một công việc đại sự để quyết định Việt Nam có vươn tới hùng cường hay không. Nếu chúng ta đánh mất sự khẩn trương, thời cơ chỉ đến một lần, chỉ đến trong một khắc. Nếu chúng ta buông lỏng thì không biết đến bao giờ thời cơ trở lại.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là dấu mốc quan trọng, đánh dấu thời điểm bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Từ đây, dân tộc Việt Nam dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng sẽ tiếp tục đồng tâm hiệp lực, chung sức, đồng lòng để đưa

đất nước phát triển mạnh mẽ, sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Những bước đi đầu tiên trong cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức, bộ máy có thể xem là những bước đi bút phá để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình. Trả lời phỏng vấn Phóng viên Báo VOV, Tiến sĩ Nhị Lê, nguyên Phó Tổng Biên tập Tạp chí Công sản cho rằng, nếu chúng ta đánh mất sự khẩn trương, thời cơ chỉ đến một lần. Nếu chúng ta buông lỏng thì không biết đến bao giờ thời cơ trở lại.

Kỷ nguyên vươn mình: Bước đi tất yếu của cách mạng

Phóng viên: Thưa Tiến sĩ Nhị Lê, bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng sẽ chính thức xác lập thời điểm cả dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình. Đây không chỉ là nguyện vọng, ý chí của Đảng mà còn là mong ước, khát vọng của toàn dân tộc. Ông hình dung thế nào về kỷ nguyên vươn mình?

TS. Nhị Lê: Đây là kỷ nguyên mà tôi hình dung, thách thức mọi giới hạn, chinh đốn lực lượng, đất nước bút tốc để vươn tới hùng cường trong tầm nhìn 2045. Đó là bước đi tất yếu của cách mạng, là sự phát triển một cách hợp quy luật, được đặt trên nền móng vững chắc. Chúng ta thấy 40 năm đổi mới, đất nước đã giành được những thành tựu to lớn, có nghĩa lịch sử. Nhưng trong bối cảnh thời đại mới, toàn cầu bút tốc, toàn cầu phát triển như vũ bão với động lực là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra những thách thức đối với chúng ta. Nếu phát triển như cũ thì chúng ta sẽ đứng im.

Đất nước không thể không bút phá, không thể không vươn mình. Cho nên, chúng ta không thể không tiến lên. Đó là bước đi tất yếu của dân tộc trong thời đại toàn cầu hóa. Đó cũng là nhu cầu phát triển từ chính mình và cho chính mình. Chỉ có như thế chúng ta mới có thể có cơ hội để đóng góp vào phát triển chung của thế giới. Việt Nam là một nhân tố của thế giới, một nhân tố của châu Á. Và chỉ có như thế thì kỳ vọng vào một đất nước hùng cường trong tầm nhìn 20 năm tới mới có thể đạt được.

Phóng viên: Cơ đồ, tiềm lực, vị thế của đất nước, đặc biệt là những thành tựu ấn tượng về kinh tế là cơ sở, nền móng quan trọng nhất để chúng ta bước vào kỷ nguyên vươn mình?

TS. Nhị Lê: Đó là nền tảng, nhưng không phải là tất cả. Muốn đi nhanh thì chúng ta có thể đi thẳng vào công nghệ. Công nghệ cao và thời cơ cho phép chúng ta đi tắt đón đầu. Thời cơ cho phép chúng ta phát triển rút ngắn. Và thậm chí có những giai đoạn phát triển ngắn hạn để chúng ta bước dài hơn, vững chãi hơn trên con đường hội nhập quốc tế. Thứ hai là bản thân, nội lực của chúng ta cũng đủ sức để chúng ta bước đi.

Cho đến giờ phút này, quy mô về GDP, tốc độ tăng trưởng kinh tế của chúng ta là top 32 thế giới (tính đến cuối năm 2024). Nghĩa là 193 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới thì chúng ta đứng vào top 32. Nhưng như thế, chưa xứng đáng với vị thế và tiềm năng của chúng ta.

Về quy mô dân số, chúng ta đứng thứ 15 trên toàn thế giới. Cho nên, đây là một nguồn lực căn bản trên nền tảng nguồn lực kinh tế để chúng ta bước tới. Nhưng điều quan trọng bậc nhất, chúng ta có đi xa hay không? Có đi bền vững và nhân văn, xứng đáng với truyền thống của chúng ta hay không? Muốn vậy, chúng ta phải “đi” bằng văn hóa.

Muốn “đi” bền vững, phải “đi” bằng văn hóa

Phóng viên: Vì sao chúng ta phải bước đi bằng văn hóa, thưa ông?

TS. Nhị Lê: Muốn đi một cách mạnh mẽ, bền vững và nhân văn, chúng ta không thể không đi bằng văn hóa trên nền tảng kinh tế. Và cho đến giờ phút này, thì không ai có thể tách bạch được đâu là kinh tế và đâu là văn hóa. Cho nên, trong mỗi bước tiến của lịch sử, chúng ta có thể thấp kém về kinh tế. Nhưng chúng ta không thấp kém về văn hóa. Và đó cũng là bài học lớn nhất của lịch sử trong mấy nghìn năm qua để chúng ta bước qua hơn 1.300 năm chiến tranh, để khẳng định vị thế chính trị của đất nước ta trên trường quốc tế.

Thứ hai, chưa bao giờ như bây giờ, trong xu thế hội nhập toàn cầu như thế thì gương mặt Việt Nam, văn hóa Việt Nam không chỉ là lên tăng của dân tộc, mà là động lực lớn, động lực mạnh mẽ, động lực căn bản để chúng ta hành trình cùng thế giới.

Phóng viên: Có nghĩa là khi chúng ta hội nhập, vươn mình với thế giới nhưng chúng ta vẫn khẳng định được bản sắc dân tộc, không bị hòa tan trong thế giới đầy cạnh tranh, biến động?

TS. Nhị Lê: Trước hết, dân tộc ta phải là một dân tộc văn hóa. Và điều này đã chứng thực là không có thời kỳ nào như bây giờ. Sự hội nhập, lan tỏa và cùng cộng đồng thế giới một cách chặt chẽ như bây giờ. Chúng ta có 12 đối tác chiến lược toàn diện, 20 đối tác toàn diện. Điều đó cho thấy vị thế của đất nước. Đấy chính là văn hóa, đấy cũng chính là kinh tế. Và tôi hình dung ra là, chúng ta đã thực sự đặt văn hóa ở vị trí tiên phong, dẫn dắt dân tộc. Kinh tế chúng ta chưa hùng mạnh, nhưng không ai, không quốc gia nào, không biết đến Việt Nam. Đó là một bước tiến lớn về văn hóa.

Phóng viên: Thưa ông, hiện nay, chúng ta có được môi trường hòa bình trong khi ở nhiều quốc gia trên thế giới vẫn còn đang diễn ra chiến tranh, xung đột, biểu tình, bạo loạn rất là bất ổn. Sự ổn định cũng được coi là một nền tảng rất quan trọng để chúng ta hiện thực hóa khát vọng hùng cường, thưa ông?

TS. Nhị Lê: Đó là một thời cơ. Bất kỳ sự phát triển nào cũng đặt trong ổn định. Đó là thượng sách để chúng ta đạt đến tầm mức mới của sự phát triển. Chúng ta đi qua cuộc chiến tranh 9 năm trường kỳ, chúng ta đã cáo chung cho chủ nghĩa thực dân cũ. Chúng ta đi 20 năm là cáo chung, đặt dấu chấm hết cho chủ nghĩa thực dân mới ở Việt Nam. Cho nên ổn định là thượng sách. Nhưng lịch sử là sự thay đổi. Không có sự thay đổi thì không có lịch sử. Cho nên phát triển phải thước đo của ổn định để chúng ta bước lên một bước mới. Dân tộc chúng ta định vị ở một tầm mức mới với vị thế mới. Đó chính là biện chứng của sự phát triển.

Phóng viên: Vậy, ông nghĩ sao về quan điểm cho rằng, kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình mà chúng ta đang hướng tới đó là sự “nóng vội”, chưa hội tụ đủ những điều kiện, do vậy mà khó có thể thành hiện thực?

TS. Nhị Lê: Đây cũng chỉ là một cách nhìn. Tôi hình dung năm 2025, hoặc là hôm nay, hoặc là khó có thể bao giờ. Đây là một bài học lớn về thời cơ của sự phát triển lịch sử. Chúng ta không có 16 ngày vào năm 1945, thì chúng ta không có cuộc Cách mạng Tháng Tám. Chúng ta không có 55 ngày vào năm 1975, thì chúng ta không có cuộc thống nhất quốc gia. Đây là thời cơ. Cho nên vấn đề là thời cơ.

Thời cơ lúc này là lực lượng. Chúng ta chuẩn bị một cách đầy đủ sau 40 năm đổi mới về thực lực đất nước, cộng với thời cơ mà thế giới mang lại, dân tộc mang lại. Chúng ta phải làm nên nó. Cho nên kỷ nguyên mới, hoặc là hôm nay, hoặc là phải nhiều chục năm nữa mới có thể có thời cơ như hôm nay. Tức là thời cơ vàng, thời gian vàng để chúng ta thực hiện cuộc bứt phá của dân tộc dưới ngọn cờ của Đảng, phù hợp với nhịp đi của thế giới.

Nếu chúng ta đánh mất sự khẩn trương, thời cơ chỉ đến một lần

Phóng viên: Những bước đi ban đầu về tinh gọn bộ máy có thể coi là một dấu hiệu đáng mừng để chúng ta bứt phá, bước vào kỷ nguyên vươn mình, thưa ông?

TS. Nhị Lê: Tinh gọn bộ máy là một công việc đại sự để quyết định Việt Nam có vươn tới hùng cường hay không. Những bước đi ban đầu trong nửa năm vừa qua dưới sự quan sát của tôi đã thấy những dấu hiệu rất đáng mừng. Trước hết, chúng ta không thể không làm. Nhưng việc tính toán lộ trình cũng không kém phần quan trọng.

Nếu chúng ta đánh mất sự khẩn trương, thời cơ chỉ đến một lần, chỉ đến trong một khắc. Nếu chúng ta buông lỏng thì không biết đến bao giờ thời cơ trở lại. Mà thời cơ như tôi nói vừa rồi là lực lượng. Chúng ta đã chọn đúng thời cơ rồi. Bây giờ chỉ còn hành động, hành động và hành động. Thứ ba, cùng với lộ trình, chúng ta luôn luôn nắm chắc nguyên tắc: Tất cả vì lợi ích tối cao của dân tộc, thống nhất tuyệt đối với lợi ích của nhân dân. Mọi sự đổi mới, cải cách về bộ máy không thể, không đặt trên hình bóng của nhân dân. Chỉ có như thế chúng ta mới thực sự lựa chọn được tinh hoa.

Thận trọng nhưng không trì trệ, khẩn trương nhưng không vội vàng. Điều đó rất khó. Nhưng mục tiêu của chúng ta đã rõ như thế. Tôi tin tưởng là chúng ta sẽ từng bước kiến tạo, phát triển một bộ máy tương thích với quy mô, tốc độ lớn mạnh của dân tộc, phù hợp với thế giới.

Phóng viên: Vậy, trước những cái gọi là góp ý, thư ngỏ, kiến nghị hay là diễn đàn, hội thảo của nhóm người này, tổ chức kia về kỷ nguyên vươn mình của dân tộc mà nó trái chiều, thậm chí là xuyên tạc thì theo ông, chúng ta nên có thái độ như thế nào?

TS. Nhị Lê: Chúng ta nghe tất cả. Lịch sử dân tộc này 100 năm qua chúng ta cũng nghe tất cả. Các bậc tiền nhân cũng nghe tất cả. Lịch sử quốc gia của chúng ta dưới ngọn cờ của Đảng 95 năm qua, chúng ta nghe tất cả. Nhưng nhu cầu của dân tộc, tiếng nói của muôn dân, đó là quyết định lịch sử phát triển của dân tộc chúng ta. Người ta có thể nói ngược, nói xuôi về kỷ nguyên mới, cũng như người ta có thể nói ngược nói xuôi cho đến giờ phút này về Cách mạng Tháng Tám của lịch sử của chúng ta. Mà cả Đông Nam Á, nhìn rộng ra cả Châu Á, không nơi nào có được như chúng ta. Cho nên điều đó cũng không có gì lấy làm lạ cả. Chúng ta tôn trọng tất cả sự đa dạng của những tầm nhìn, của những ý kiến và chúng ta xác quyết con đường dân tộc chúng ta phải đi, như nó phải đi, như yêu cầu của lịch sử và quốc tế đặt ra chúng ta phải tiến lên.

Chúng ta không có sự lựa chọn nào khác. Còn trong quá trình tiến lên, thậm chí cả những bước giật lùi, có ý kiến này, ý kiến khác, điều đó là hết sức bình thường. Chúng ta có tầm nhìn, có lực lượng, có ý chí và khát vọng, chúng ta sẽ làm nên. Tôi nhìn hẹp 100 năm qua

thời, đất nước này không mạnh hơn bất cứ một đế quốc nào cả, đặc biệt những đế quốc ngoại xâm xâm lược chúng ta.

Nhưng dân tộc này, từ 20 triệu người những năm 1920, đến 31 triệu người những năm 1960, chúng ta đi qua 3, 4 cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Và nhân loại cũng không hiểu được chúng ta, một cách toàn vẹn. Thì trước đại cuộc mới, trước kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, tôi gọi là kỷ nguyên bút phá của dân tộc, nhiều người không hiểu chúng ta, đó là lẽ bình thường. Đường chúng ta, chúng ta cứ đi. Miễn sao, 100 triệu đồng bào của chúng ta, dù trong nước hay ở nước ngoài, vì danh dự của một Việt Nam hùng cường, thì không gì cản được bước tiến của chúng ta. Đó là con đường sống của chúng ta, đó là danh dự của chúng ta, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng.

Phóng viên: Xin cảm ơn ông!

Nguồn: vov.vn

MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP Ở CÁC NƯỚC VẬN HÀNH THẾ NÀO?

Nhật, Hàn Quốc, Anh,.. đã vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong nhiều thập niên, thúc đẩy tính hiệu quả, mạnh mẽ của chính quyền cấp địa phương.

Nhiều nước ở châu Á và châu Âu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hoạt động chặt chẽ, hiệu quả.

Nhật

Hệ thống hành chính của Nhật có ba cấp. Cấp cao nhất là chính quyền trung ương. Tiếp theo là hai cấp chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương gồm cấp tỉnh và cấp hạt (hay còn gọi là đơn vị hành chính địa phương cấp cơ sở), theo tạp chí Xây dựng Đảng.

Cấp tỉnh hiện nay có 47 đơn vị (giữ ổn định từ năm 1888 đến nay), trong đó Tokyo được gọi là đô (Tokyo-to), Hokkaido được gọi là “đạo” (do, như Hokkai-do), Kyoto và Osaka được gọi là “phủ” (fu, như Kyoto-fu, Osaka-fu) và 43 đơn vị cấp tỉnh (ken). Tuy nhiên, giữa các đô, đạo, phủ và tỉnh này không có phân biệt gì về mặt quyền hạn hành chính.

Các đơn vị hành chính cấp hạt gồm ba loại: Thành phố (shi), thị trấn (cho, machi) và làng (mura, son). Số lượng các đơn vị hành chính cấp tỉnh được giữ ổn định, trong khi đó cấp hạt có xu hướng thu gọn dần dần mỗi qua các đợt hợp nhất, sáp nhập (tháng 4/1999, Nhật có 3.232 hạt, tháng 4/2006 có 1.820 hạt, tháng 4/2008 có 1.788 hạt, tháng 1/2022 có 1.718 hạt).

Với nỗ lực của việc cải cách hành chính, số lượng công chức địa phương giảm liên tục trong 21 năm qua, từ sau mức cao nhất là 3.280.000 người vào năm 1994 xuống 2.800.000 người tại thời điểm ngày 01/4/2021 (giảm 15%). Trong tổng số công chức địa phương là 2.800.000 người, cấp tỉnh có 1.430.000 người và cấp cơ sở có 1.370.000 người.

Chính quyền địa phương có một hội đồng địa phương gồm các nghị sĩ được bầu (người dân bầu cử trực tiếp, nhiệm kỳ 4 năm, số lượng các nghị sĩ được quyết định dựa trên điều lệ của từng địa phương). Hội đồng địa phương có quyền lập pháp trong phạm vi luật pháp.

Hàn Quốc

Theo Hiến pháp năm 1987, chính quyền địa phương Hàn Quốc gồm hai cấp là chính quyền địa phương cấp cao và các đơn vị hành chính cơ sở (bao gồm các thành phố nhỏ hơn và huyện, gọi là chính quyền địa phương cấp thấp).

Chính quyền địa phương cấp cao bao gồm tám “đạo” (do - tỉnh), sáu “thành phố đô thị” (gwangyeoksi) nằm ngoài phạm vi quản lý của các tỉnh, một “đô thị đặc biệt” (teukbyeolsi - thủ đô Seoul), một “thành phố tự trị đặc biệt” (teukbyeol-jachisi - Sejong), và một “tỉnh tự trị đặc biệt” (teukbyeoljachi-do - đảo Jeju).

Số lượng chính quyền địa phương cấp thấp là 226 (75 thành phố (si), 82 huyện (gun) và 69 quận (gu)).

Hàn Quốc cũng tập trung phân quyền cho các địa phương. Năm 1999, Luật Thúc đẩy Chuyển giao Quyền lực Trung ương đã thiết lập một khung phân quyền minh bạch hơn. Luật này đặt ra một “logic bổ trợ”, bao gồm: ưu tiên chuyển giao các nhiệm vụ đồng thời; ưu tiên chuyển giao xuống cấp thấp nhất có thể; chuyển giao toàn bộ chính sách cho chính quyền địa phương; giới hạn vai trò của chính quyền trung ương vào các chính sách toàn quốc hoặc tiêu chuẩn hóa quốc gia.

Theo Luật này, các chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được ủy thác (hoặc bắt buộc), được quy định bởi các luật cụ thể, và các nhiệm vụ tự chủ.

Người đứng đầu chính quyền địa phương và các thành viên hội đồng địa phương được bầu trực tiếp với nhiệm kỳ bốn năm. Người đứng đầu chính quyền địa phương có thể tái đắc cử tối đa ba nhiệm kỳ. Không có giới hạn về số nhiệm kỳ mà một thành viên hội đồng địa phương có thể phục vụ.

Hệ thống tự quản địa phương rất quan trọng như một phương tiện để hiện thực hóa mục tiêu dân chủ cơ sở thông qua sự tham gia của cư dân địa phương, theo trang web koreanculture.org.

Úc

Chính quyền địa phương của Úc được phân thành 2 cấp là tiểu bang (gồm 6 tiểu bang và 2 vùng lãnh thổ) và cơ sở (thường được gọi là thành phố, quận, thị trấn, hội đồng hoặc đô thị).

Hiến pháp của Úc không đề xuất một cách chính thức về hệ thống địa phương. Tùy thuộc vào từng bang mà việc thiết lập chính quyền địa phương có những quy định riêng.

Hội đồng Lập pháp (nghị viện) là cơ quan quyền lực cao nhất ở bang, đứng đầu là Thống đốc bang, có chức năng xem xét, soạn thảo và thông qua các đạo luật liên quan đến tiểu bang, cử ra thủ hiến bang. Chính quyền tiểu bang và lãnh thổ chịu trách nhiệm cho bất kỳ lĩnh vực nào không thuộc trách nhiệm của chính quyền liên bang. Bao gồm giáo dục, y tế, giao thông

công cộng, nông nghiệp và đánh bắt cá, dịch vụ cộng đồng, luật pháp và trật tự, thể thao và giải trí, nguồn cung cấp nước, điện và khí đốt, cảnh sát và dịch vụ khẩn cấp.

Chính quyền địa phương thường giải quyết các nhu cầu của cộng đồng và có thể chịu trách nhiệm phát triển xây dựng, y tế công cộng, đường sá và vỉa hè địa phương, giải trí, các vấn đề môi trường địa phương, thu gom rác thải và dịch vụ cộng đồng, theo từ điển Bách khoa Britannica.

Na Uy

Na Uy sở hữu một nền dân chủ địa phương mạnh mẽ với hệ thống chính quyền địa phương được thiết lập vững chắc. Đạo luật Alderman năm 1837 lần đầu tiên xác định quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương, theo trang regjeringen.no.

Cho tới năm 2021, Na Uy duy trì hệ thống hai cấp chính quyền địa phương, bao gồm 356 chính quyền đô thị (municipalities) và 11 chính quyền hạt (county). Cả cấp đô thị và hạt đều tổ chức bầu cử - nơi các đại diện dân cử chịu trách nhiệm trực tiếp trước cử tri.

Cả chính quyền đô thị và hạt đều có địa vị hành chính tương đương nhưng chịu sự giám sát từ chính quyền trung ương. Cơ quan giám sát chính của chính quyền trung ương đối với chính quyền địa phương là Thống đốc hạt (County Governor).

Chính quyền hạt chịu trách nhiệm quản lý giáo dục trung học phổ thông, phát triển vùng và quy hoạch tổng thể, quản lý đường bộ và hệ thống giao thông công cộng hạt, phát triển kinh tế, văn hóa, bảo tồn di sản và quản lý môi trường ở cấp vùng.

Trong khi đó, chính quyền đô thị đảm nhiệm quản lý giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, vận hành nhà trẻ và mẫu giáo, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật và dịch vụ xã hội. Chính quyền đô thị cũng có trách nhiệm quy hoạch địa phương, phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường, quản lý đường sá và cảng biển địa phương, cung cấp nước sạch, xử lý nước thải và vệ sinh công cộng, đồng thời thúc đẩy phát triển văn hóa và doanh nghiệp.

Na Uy áp dụng mô hình chính quyền địa phương tổng quát (generalist local authority system), nghĩa là tất cả các đô thị và hạt đều thực hiện các nhiệm vụ giống nhau, bất kể quy mô hay dân số.

Dù trải qua nhiều cải cách, Na Uy vẫn duy trì hệ thống hai cấp chính quyền địa phương với chính quyền đô thị và chính quyền hạt, đảm bảo cơ chế hoạt động linh hoạt để đáp ứng nhu cầu phát triển và quản lý công hiệu quả.

Anh

Nhiều khu vực ở Anh áp dụng mô hình chính quyền địa phương hai cấp, nhưng không phải tất cả, theo trang gov.uk.

Hội đồng hạt (County Councils) là cơ quan lớn hơn, chịu trách nhiệm về giáo dục, phúc lợi xã hội, dịch vụ trẻ em, đăng ký khai sinh - tử và y tế công cộng. Trong khi đó, các hội đồng quận hoặc thị trấn (District hoặc Borough Councils) phụ trách các vấn đề như nhà ở, thu gom rác và xét duyệt hồ sơ quy hoạch.

Chính quyền quận và thị trấn cũng là đơn vị thu thuế hội đồng (Council Tax). Một phần số tiền này được giữ lại để vận hành các dịch vụ địa phương, phần còn lại được chuyển lên hội đồng hạt và các cơ quan khác như cảnh sát và cứu hỏa.

Như đã nói ở trên, không phải toàn bộ địa phương ở Anh vận hành mô hình chính quyền 2 cấp. Ở một số khu vực, chính quyền đơn nhất đảm nhiệm toàn bộ các dịch vụ trên (gọi là Unitary Authorities - một hội đồng quản lý tất cả dịch vụ công).

Tại London và một số đô thị, một số dịch vụ như phòng cháy chữa cháy, cảnh sát và giao thông công cộng do các cơ quan chung quản lý. Đơn cử, ở London, nhiệm vụ này thuộc về Chính quyền Đại London (Greater London Authority). Xứ Wales và Scotland đã loại bỏ hệ thống chính quyền địa phương hai cấp, thay thế bằng chính quyền đơn nhất.

Nguồn: plo.vn

KẾ HOẠCH TIẾP TỤC SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

Ngày 20/3/2025, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW đã ban hành Công văn số 43-CV/BCĐ về Kế hoạch tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Sau đây là nội dung Kế hoạch tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị:

Thực hiện Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả); Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; để việc sáp nhập đơn vị hành chính theo mô hình địa phương 2 cấp bảo đảm đúng mục tiêu tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả gắn với tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW yêu cầu các ban đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và khẩn trương thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ sau:

I. Những nội dung, nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo tại Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII

1. Đảng ủy Quốc hội chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến các cơ quan, đơn vị, hoàn thiện các nội dung sau đây báo cáo Bộ Chính trị trước ngày 25/3/2025; tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, hoàn thiện Đề án, Tờ trình và gửi tài liệu, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương (qua Văn phòng Trung ương Đảng) trước ngày 01/4/2025:

Đề án rà soát, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

Báo cáo về công tác hoàn thiện thể chế (bao gồm việc sửa đổi các quy định của Đảng, sửa đổi Hiến pháp, pháp luật,...).

2. Đảng ủy Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến các địa phương, cơ quan, đơn vị, hoàn thiện Tờ trình, Đề án sắp xếp tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp báo cáo Bộ Chính trị trước ngày 25/3/2025; tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, hoàn thiện Tờ trình, Đề án và gửi tài liệu báo cáo Ban Chấp hành Trung ương (qua Văn phòng Trung ương Đảng) trước ngày 01/4/2025.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến các địa phương, cơ quan, đơn vị, hoàn thiện Tờ trình, Đề án sắp xếp, tinh gọn cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (cấp Trung ương,

cấp tỉnh, cấp xã) báo cáo Bộ Chính trị trước ngày 25/3/2025; tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, hoàn thiện Tờ trình, Đề án và gửi tài liệu báo cáo Ban Chấp hành Trung ương (qua Văn phòng Trung ương Đảng) trước ngày 01/4/2025.

4. Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị và các cơ quan liên quan (tại phiên họp ngày 14/3/2025); gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương Đề án về hệ thống toà án, viện kiểm sát ở địa phương theo định hướng không tổ chức cấp huyện; tiếp thu ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương, hoàn thiện Tờ trình, Đề án, báo cáo Bộ Chính trị trước ngày 25/3/2025; tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, hoàn thiện Tờ trình, Đề án và gửi tài liệu báo cáo Ban Chấp hành Trung ương (qua Văn phòng Trung ương Đảng) trước ngày 01/4/2025.

Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao khi gửi Tờ trình, Đề án (sau khi tiếp thu ý kiến của các địa phương, cơ quan, đơn vị) báo cáo Bộ Chính trị (qua Văn phòng Trung ương Đảng) thì đồng thời gửi Ban Tổ chức Trung ương để tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: Hoàn thiện Đề án về hệ thống tổ chức đảng ở địa phương (cấp tỉnh và cấp cơ sở). Hoàn thiện dự thảo Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng (thay thế Quy định số 232-QĐ/TW ngày 20/01/2025).

Hoàn thiện dự thảo sửa đổi, bổ sung Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 và Kết luận số 118-KL/TW ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Tổng hợp các đề án của Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để xây dựng Báo cáo, Tờ trình về kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, báo cáo Bộ Chính trị để trình Ban Chấp hành Trung ương (tại Hội nghị Trung ương 11).

Tiếp thu ý kiến các địa phương, cơ quan, đơn vị, hoàn thiện Đề án, dự thảo Chỉ thị mới thay thế Chỉ thị số 35-CT/TW, Kết luận số 118-KL/TW ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và dự thảo Quy định mới thay thế Quy định số 232-QĐ/TW, ngày 20/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; đồng thời, hoàn thiện Báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kết luận số 127-KL/TW, định hướng triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy thời gian tới, báo cáo Bộ Chính trị (ngày 27/3/2025); tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, hoàn thiện Đề án, các dự thảo, Tờ trình và gửi tài liệu báo cáo Ban Chấp hành Trung ương (qua Văn phòng Trung ương Đảng) trước ngày 03/4/2025.

Cùng với các nội dung trên, Ban Tổ chức Trung ương chủ trì tham mưu xây dựng: Phương hướng công tác nhân sự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Rà soát bổ sung quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV, báo cáo Bộ Chính trị đề trình Ban Chấp hành Trung ương (tại Hội nghị lần thứ 11).

Thẩm định các đề án của Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân tối cao để báo cáo Bộ Chính trị.

6. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương nghiên cứu kỹ lưỡng, khẩn trương có ý kiến đúng thời hạn đối với các Đề án của Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

II. Những nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện sau khi có nghị quyết, kết luận của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII

1. Đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương, cấp ủy trực thuộc Trung ương:

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, tham mưu Bộ Chính trị tổ chức Hội nghị toàn quốc và các hoạt động cần thiết để quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, các văn bản liên quan về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng đề án tổng thể, chủ động, kịp thời tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, thống nhất vì sự phát triển của đất nước.

- Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo: Hướng dẫn việc xây dựng, hoàn thiện Đề án sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã (chức năng, nhiệm vụ cụ thể, tổ chức bộ máy, biên chế; bố trí cán bộ, trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; xử lý tài sản, trụ sở...).

Chỉ đạo Đảng ủy các bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính các cấp, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm kịp thời, đồng bộ, cụ thể, thuận lợi cho việc xây dựng đề án và tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (hoàn thành trước ngày 15/4/2025). Triển khai thực hiện Đề án tổ chức lại hệ thống thanh tra (hoàn thành trước ngày 30/4/2025).

Báo cáo thực hiện nhiệm vụ rà soát và phương án sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật liên quan để thực hiện chủ trương sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 2013, sắp xếp các đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp...

Tiếp tục nghiên cứu, có phương án sắp xếp các cơ quan thuế, kho bạc nhà nước, hải quan, bảo hiểm xã hội, thống kê, ngân hàng,... phù hợp với việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước; tổ chức đảng của các đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và một số bộ, ngành liên quan.

Tham mưu Ban Bí thư ban hành quy định về cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy Bộ, cơ quan ngang Bộ đại diện chủ sở hữu vốn với cấp ủy, tổ chức đảng của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp (hoàn thành trong tháng 8/2025).

- Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo: Việc thực hiện các quy trình và sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 (hoàn thành trước ngày 30/6/2025). Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã (hoàn thành trước ngày 30/6/2025); Quốc hội thông qua nghị quyết sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh (tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (hoàn thành trước ngày 30/6/2025). Thông qua các luật, nghị quyết có liên quan để triển khai chủ trương sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 2013, tiếp tục sắp xếp các đơn vị hành chính, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp...

- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan: Tham mưu Bộ Chính trị ban hành quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp Trung ương (hoàn thành trước ngày 25/4/2025). Sắp xếp các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (hoàn thành trước ngày 15/7/2025). Quyết định tổ chức lại các tổ chức đảng trực thuộc (tại các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ) phù hợp với mô hình tổ chức sau khi sắp xếp lại (hoàn thành trước 30/6/2025). Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan để thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng liên quan triển khai sắp xếp hệ thống toà án, viện kiểm sát ở địa phương (hoàn thành trước ngày 30/6/2025); đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan để thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: Tham mưu ban hành Nghị quyết, Kết luận của Hội nghị Trung ương 11 về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Tham mưu ban hành Quy định của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng (hoàn thành trước ngày 25/4/2025). Dự thảo Chỉ thị mới thay thế Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 và Kết luận số 118-KL/TW (hoàn thành trước ngày 20/4/2025).

Tham mưu Ban Bí thư ban hành Hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng (hoàn thành trước ngày 15/5/2025).

Tham mưu Ban Bí thư ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã, phường, đặc khu (hoàn thành trước ngày 15/6/2025).

Tham mưu Bộ Chính trị ban hành các quyết định thành lập đảng bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh).

Tham mưu Bộ Chính trị chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; chỉ định đại biểu của đảng bộ cấp tỉnh mới thành lập đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công, điều động cán bộ diện Trung ương quản lý trước khi sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Tham mưu Ban Bí thư đồng ý chủ trương đề cấp ủy cấp tỉnh giới thiệu nhân sự với hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026 bầu các chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân theo quy định (sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh) (hoàn thành trước ngày 30/8/2025).

- Đảng ủy Công an Trung ương: Lãnh đạo, chỉ đạo việc sắp xếp công an xã, phường, đặc khu phù hợp với việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh và thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và tổ chức thực hiện.

Tham mưu Chính phủ bổ sung, sửa đổi, ban hành hoặc Bộ Công an ban hành theo thẩm quyền các quy định, hướng dẫn thực hiện các dịch vụ công, quản lý xã hội... theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an theo hướng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp không phụ thuộc địa giới hành chính, không thu phí, lệ phí (đối với tổ chức, cá nhân phải thay đổi giấy tờ, thủ tục do sắp xếp đơn vị hành chính) (hoàn thành trước ngày 30/6/2025).

Tham mưu cấp có thẩm quyền lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng công an; đồng thời, thực hiện lãnh đạo, chỉ đạo công an các cấp tăng cường công tác, phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời nắm bắt dư luận xã hội, vận động quần chúng nhân dân, bảo đảm giữ vững, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trước, trong và sau khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIV của Đảng.

2. Đối với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đề án chi tiết không tổ chức cấp huyện, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã (lưu ý quan tâm bố trí cán bộ, trụ sở, phương tiện, trang thiết bị) theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hướng dẫn của Đảng ủy Chính phủ (hoàn thành trước ngày 30/6/2025); đồng thời, phối hợp với các ban Đảng ở Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương triển khai phương án sáp nhập tỉnh. Cụ thể:

- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (trước khi sắp xếp):

Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong việc tham mưu Bộ Chính trị chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp tỉnh (sau khi sắp xếp) nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy (đã được Ban Chấp hành Trung ương đồng ý chủ trương sáp nhập) chuẩn bị dự thảo các văn kiện của cấp ủy tỉnh, thành phố (sau khi sáp nhập) và các công việc chuẩn bị tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố (sau khi sáp nhập) nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Thực hiện các nội dung bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị của các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc cấp xã (bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; cơ sở vật chất, trang thiết bị; chuẩn bị nhân sự cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc; thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc) (hoàn thành trước ngày 30/6/2025).

Chỉ đạo tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ xã, phường, đặc khu nhiệm kỳ 2025 - 2030 (hoàn thành trước ngày 31/8/2025).

- Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (sau khi sắp xếp):

Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy tỉnh, thành phố.

Lãnh đạo, chỉ đạo việc thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Lãnh đạo, chỉ đạo việc thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố.

Lãnh đạo, chỉ đạo việc bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bố trí trụ sở, trang thiết bị, các điều kiện bảo đảm phục vụ công tác của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan chức năng của tỉnh, thành phố (hoàn thành trước ngày 15/7/2025).

Lãnh đạo, chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, cán bộ đảng ủy các cơ quan đảng, đảng ủy ủy ban nhân dân, đảng ủy quân sự, đảng ủy công an, các đảng ủy ở nơi có đặc điểm riêng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy (hoàn thành trước ngày 15/7/2025).

Chỉ định đại biểu dự đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Hoàn thiện các văn kiện, công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030 (hoàn thành trước 31/10/2025).

Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương trong việc tham mưu Bộ Chính trị chỉ định đại biểu của đảng bộ (sau khi họp nhất) đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. (ix) Chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, phường, đặc khu nhiệm kỳ 2025 - 2030 đồng bộ với chuẩn bị nhân sự hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu nhiệm kỳ 2026 - 2031.

III. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu:

- Chủ động, tích cực làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội, bảo đảm sự đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân.

- Các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư bổ sung, sửa đổi, ban hành (hoặc ban hành theo thẩm quyền) các văn bản, quy định, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, quy trình công tác,

quy trình quản lý... theo hướng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp ủy (cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp cơ sở), từng cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy thực hiện (hoàn thành trước ngày 30/4/2025).

- Rà soát, tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ bổ sung, sửa đổi, ban hành (hoặc ban hành theo thẩm quyền) các văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân.

- Tập trung chỉ đạo, khẩn trương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau sắp xếp hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả ngay, không để gián đoạn công việc, không để bỏ trống địa bàn, lĩnh vực, không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, tổ chức và xã hội; không thu các loại phí, lệ phí của cá nhân, tổ chức phải thay đổi giấy tờ, thủ tục do sắp xếp đơn vị hành chính.

Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương: Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc chỉ đạo phương án sắp xếp các xã, phường, đặc khu; chỉ định nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp xã bảo đảm đúng quy định, đúng tiến độ, yêu cầu đề ra. Chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ tình hình ở các địa bàn bảo đảm giữ vững ổn định tình hình an ninh trật tự, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, không phát sinh điểm nóng, phức tạp.

- Phân công cụ thể trách nhiệm triển khai xây dựng các đề án, nhiệm vụ theo đúng kế hoạch, tiến độ; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ, đề án về Ban Chỉ đạo (qua Ban Tổ chức Trung ương) trước 15 giờ ngày thứ 4 hàng tuần (từ 16/4/2025 - 31/10/2025).

2. Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Chỉ đạo thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình, tham gia ý kiến (khi cần thiết) trong quá trình triển khai các bước xây dựng, thực hiện đề án, nhiệm vụ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị bảo đảm đúng tiến độ, nội dung định hướng, gợi ý và chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo.

Nguồn: vov.vn

CHÍNH PHỦ: BỔ SUNG PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP

Ngày 15/3/2025, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Sửa đổi phạm vi điều chỉnh

Nghị định mở rộng phạm vi điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nhằm làm rõ các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh. Cụ thể, Nghị định nêu rõ: Nghị định này quy định chính sách, chế độ, gồm: Chính sách, chế độ đối với người nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc); chính sách đối với người được bầu cử, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý có phụ cấp chức vụ thấp hơn hoặc thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tăng cường đi công tác tại cơ sở; chính sách trọng dụng người có phẩm chất, năng lực nổi trội; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp; trách nhiệm thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ từ trung ương đến cấp huyện, cán bộ, công chức cấp xã, lực lượng vũ trang (gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và cơ yếu) trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, bao gồm:

1. Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện và lực lượng vũ trang.

2. Các tổ chức hành chính của cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cấp huyện trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức.

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc không trực tiếp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng viên chức, gồm:

a) Các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến cấp huyện và các tổ chức hành chính của cơ quan, tổ chức từ trung ương đến cấp huyện;

b) Các đơn vị thuộc tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương và huyện ủy, thị ủy, quận ủy, thành ủy thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; thuộc tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập khác còn lại (không thuộc quy định tại khoản 3 nêu trên) hoàn thành việc sắp xếp tổ chức trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp đơn vị hành chính các cấp.

6. Các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy.

Bổ sung đối tượng áp dụng

Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 2 về đối tượng áp dụng để thực hiện kết luận của Bộ Chính trị. Cụ thể, đối tượng áp dụng gồm:

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định này và lực lượng vũ trang chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, bao gồm:

a) Công chức, viên chức không giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động một số loại công việc trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15/1/2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức;

d) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;

đ) Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Công an nhân dân;

e) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu;

g) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 1 Nghị định này, có nguyện vọng nghỉ việc để tạo điều kiện thuận lợi trong việc sắp xếp số lượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trước thời điểm ngày 15/01/2019 và lực lượng vũ trang còn đủ 5 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Nghị định này không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy.

4. Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm quy định tại các Khoản 1, 2,3 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm; cán bộ đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy cùng cấp, có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ 2,5 năm (30 tháng) đến 5 năm (60 tháng) đến đủ tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và cán bộ đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy còn 5 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu, có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện sắp xếp nhân sự cấp ủy trong kỳ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

Bổ sung “hệ số chênh lệch bảo lưu lương”

Về xác định tiền lương tháng hiện hưởng để tính chính sách, chế độ, Nghị định bổ sung “hệ số chênh lệch bảo lưu lương” để đảm bảo quyền lợi đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi nghỉ việc.

Cụ thể, tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ việc, bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, cấp bậc hàm, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động; các khoản phụ cấp lương (gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; phụ cấp đặc thù đối với lực lượng vũ trang) và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương”.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau: “Điều 6. Tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và giải quyết chính sách, chế độ.”.

Sửa đổi chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi

Nghị định sửa đổi Điều 7 và bổ sung Điều 7a, 7b quy định cụ thể chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi trong các trường hợp: do sắp xếp tổ chức bộ máy; do tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm.

Cụ thể, theo quy định mới, đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 2 Nghị định này nghỉ hưu trước tuổi, được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm như sau:

a) Trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Trường hợp đủ 15 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi thì được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công

tác; từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

b) Trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Trường hợp đủ 15 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi thì được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác; từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

c) Trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động ban hành hoặc có đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động ban hành bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Trường hợp đủ 15 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi thì được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác; từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Bổ sung Điều 7a. Chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi do tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định này nghỉ hưu trước tuổi, được hưởng các chế độ quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này. Ngoài ra, được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm:

1. Đối với người nghỉ trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 15/3/2025 thì được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

2. Đối với người nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày 15/3/2025 thì được hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp tại khoản 1 Điều này.

Bổ sung Điều 7b. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm

Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này nghỉ hưu trước tuổi, được hưởng các chế độ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này. Ngoài ra, được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP.

Sửa đổi, bổ sung nguồn kinh phí thực hiện chế độ

Nghị định này sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 2 Điều 16 về nguồn kinh phí để thực hiện chế độ đối với viên chức và người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Cụ thể, đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập không đủ nguồn kinh phí để giải quyết chính sách, chế độ thì được sử dụng các quỹ được trích theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập để giải quyết chính sách, chế độ.

Trường hợp các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên do Nhà nước đặt hàng thông qua giá dịch vụ nhưng giá dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố cấu thành để giải quyết chính sách, chế độ thì nguồn kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng bổ sung Khoản 5, Khoản 6 Điều 16 như sau:

Đối với người làm việc trong chỉ tiêu biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện chịu tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập tổ chức bộ máy: Kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp.

Đối với các tổ chức hành chính kết thúc việc thực hiện cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp công lập từ ngày 01/01/2025 thì nguồn kinh phí giải quyết chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp.

Nghị định bỏ Khoản 6 Điều 19 quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ thêm đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Đồng thời, Nghị định cũng quy định: Các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách hỗ trợ thêm từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định tại Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP trước ngày 15/3/2025 thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ thêm này.

Nghị định nêu rõ: Các trường hợp đang thực hiện giải quyết chính sách, chế độ do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nhưng cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định giải quyết chính sách, chế độ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

Các trường hợp đang thực hiện giải quyết chính sách, chế độ do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nhưng thời điểm nghỉ việc sau ngày 01/01/2025 thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

Các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định này đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, nếu chính sách, chế độ thấp hơn so với chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này thì áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

Các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, nếu chính sách, chế độ thấp hơn so với chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này thì được cấp bổ sung theo chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

Các trường hợp do sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế đã được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi trước ngày 01/01/2025 theo quy định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng và Luật Cơ yếu, nhưng đến ngày 01/01/2025 cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định giải quyết chính sách, chế độ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử

BỘ CÔNG THƯƠNG: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH XĂNG DẦU

Ngày 13/3/2025, Bộ trưởng Bộ Công Thương ký ban hành Thông tư số 18/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu.

Theo đó, Thông tư này quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021. Cụ thể:

Tại Khoản 3 Điều 1, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận

1. Thương nhân có nhu cầu cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu; Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu; Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu; cấp bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu còn hiệu lực theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 2 Nghị định 80/2023/NĐ-CP, thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Bộ Công Thương, Sở Công Thương qua đường công văn hoặc qua thư điện tử theo địa chỉ do Bộ Công Thương, Sở Công Thương thông báo trên trang thông tin điện tử.

2. Bộ Công Thương có trách nhiệm thực hiện:

a) Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

b) Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

c) Cấp bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu còn hiệu lực (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên) thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Thời hạn của Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại thực hiện theo hiệu lực của Giấy xác nhận đã được cấp.

d) Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP, Mẫu số 6, Mẫu số 8 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP trên cơ sở kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả kiểm tra thực tế điều kiện của thương nhân (đối với trường hợp cấp mới).”

3. Sở Công Thương có trách nhiệm thực hiện:

a) Cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu còn hiệu lực (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn một (01) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) thực hiện theo trình tự quy định tại Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Thời hạn của Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu bổ sung, sửa đổi hoặc cấp lại thực hiện theo hiệu lực của Giấy xác nhận đã được cấp.

b) Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

c) Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

d) Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 4, Mẫu số 8, Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP trên cơ sở kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả kiểm tra thực tế điều kiện của thương nhân (đối với trường hợp cấp mới).

đ) Gửi văn bản cung cấp thông tin năng lực thực tế, tình hình hoạt động của thương nhân, cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn theo đề nghị của Bộ Công Thương để làm cơ sở xem xét, cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu.”.

Đối với Khoản 4 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6a. Điều hành giá xăng dầu

1. Các mặt hàng xăng dầu nhà nước công bố giá cơ sở là những mặt hàng xăng, dầu được tiêu dùng phổ biến trên thị trường gồm xăng sinh học, xăng khoáng, dầu điêzen, dầu hỏa, dầu madút. Bộ Công Thương xác định từng mặt hàng xăng, dầu tiêu dùng nhiều nhất thuộc các nhóm mặt hàng xăng sinh học, xăng khoáng, dầu điêzen, dầu hỏa, dầu madút để thực hiện công bố giá cơ sở.

2. Báo cáo lượng xăng dầu sản xuất trong nước: Định kỳ, trước ngày 29 của tháng cuối quý, thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu báo cáo sản lượng bán xăng dầu trong nước theo từng chủng loại theo Mẫu số 7a tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BCT trong kỳ từ ngày 21 tháng trước liền kề tháng đầu tiên của quý đến ngày 20 tháng cuối quý về Bộ Công Thương để tổng hợp tính toán, xác định tỷ trọng (%) sản lượng xăng dầu từ nguồn trong nước và nhập khẩu trong công thức giá cơ sở.

3. Trên cơ sở số liệu về các yếu tố cấu thành giá cơ sở xăng dầu theo quy định và ý kiến tham gia điều hành giá xăng dầu của Bộ Tài chính bằng văn bản, Bộ Công Thương công bố giá cơ sở và giá bán xăng dầu.”.

Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 1 như sau:

“Điều 12. Đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm

1. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu gửi một (01) bộ hồ sơ đăng ký tổng nguồn xăng dầu tối thiểu của năm kế tiếp theo quy định tại Khoản 25 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP về Bộ Công Thương.

2. Trước ngày 31/12 hàng năm, Bộ Công Thương phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu cho thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu để thực hiện cho năm sau theo quy định tại Khoản 24 Điều 1 Nghị định 95/2021/NĐ-CP. Trường hợp không phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu gửi công văn về Bộ Công Thương trước ngày 30/10 hàng năm.

4. Trong trường hợp tổng nguồn cung dự kiến cả năm của các thương nhân đầu mối sản xuất và thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu đã đảm bảo nhu cầu của thị trường, Bộ Công Thương điều chỉnh tổng nguồn xăng dầu tối thiểu đã giao cho các thương nhân đầu mối

kinh doanh xăng dầu trước ngày 30/11 của năm. Trường hợp không điều chỉnh tổng nguồn xăng dầu tối thiểu, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước, Bộ Công Thương quy định cụ thể tiến độ nhập khẩu, mua xăng dầu trong nước hoặc điều chỉnh tăng tổng nguồn xăng dầu tối thiểu để các thương nhân thực hiện. Thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo tiến độ thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu được Bộ Công Thương phân giao theo quy định.”.

Đối với Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014, sửa đổi, bổ sung một số điều cụ thể như sau:

Bổ sung K 9a sau Khoản 9 Điều 7 như sau: “9a. Báo cáo định kỳ hàng quý tình hình sử dụng và cho thuê kho xăng dầu thuộc sở hữu theo Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Báo cáo định kỳ hàng quý tình hình sử dụng kho xăng dầu đi thuê theo Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về Bộ Công Thương và Sở Công Thương tại địa bàn nơi thương nhân thuê kho xăng dầu trước ngày 10 của tháng đầu tiên của kỳ kế tiếp.”.

Bổ sung khoản 7 Điều 8 như sau: “7. Báo cáo định kỳ hàng quý tình hình sử dụng và cho thuê kho xăng dầu thuộc sở hữu theo Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; Báo cáo định kỳ hàng quý tình hình sử dụng kho xăng dầu đi thuê theo Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về Bộ Công Thương và Sở Công Thương tại địa bàn nơi thương nhân thuê kho xăng dầu trước ngày 10 của tháng đầu tiên của kỳ kế tiếp.”

Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 10 như sau:

“1. Đăng ký định kỳ hệ thống phân phối xăng dầu của đại lý bán lẻ xăng dầu với Sở Công Thương địa phương nơi thương nhân có hệ thống phân phối trước ngày 10/01 hàng năm tại biểu số 2 của Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BCT. Khi có sự thay đổi trong hệ thống phân phối xăng dầu của đại lý bán lẻ xăng dầu, trong thời gian mười (10) ngày làm việc từ khi có sự thay đổi, thương nhân phải gửi đăng ký điều chỉnh về Sở Công Thương địa phương nơi thương nhân có hệ thống phân phối tại biểu số 2 của Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BCT .”.

“2. Ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 80/2023/NĐ-CP .

a) Đối với trường hợp thương nhân ký hợp đồng đại lý với hai (02) hoặc ba (03) thương nhân là thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu, thương nhân lập hồ sơ báo cáo thay đổi, bổ sung hợp đồng đại lý gửi về cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 20, điểm b Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung thông tin về thương nhân cung cấp xăng dầu trong Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu và Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

b) Đối với trường hợp thương nhân chỉ có một (01) cửa hàng bán lẻ xăng dầu ký hợp đồng đại lý xăng dầu với hai (02) hoặc ba (03) thương nhân là thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu, thương nhân phải lập hồ sơ đề nghị

cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung thông tin về thương nhân cung cấp xăng dầu trong Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

c) Tuân thủ quy định về ghi biển hiệu cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc thương nhân tại Khoản 7 Điều 21, Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

d) Tuân thủ quy định kiểm soát chất lượng xăng dầu tại Khoản 4, Khoản 10 Điều 21 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, chịu trách nhiệm giám sát, quản lý về đo lường, chất lượng và xây dựng, áp dụng và duy trì có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng.”

Sửa đổi Khoản 1 Điều 11 như sau: “1. Đăng ký định kỳ hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu với Sở Công Thương địa phương nơi thương nhân có hệ thống phân phối trước ngày 10/01 của hàng năm, tại biểu số 2 của Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BCT. Khi có sự thay đổi trong hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu, trong thời gian mười (10) ngày làm việc từ khi có sự thay đổi, thương nhân phải gửi đăng ký điều chỉnh về Sở Công Thương địa phương nơi thương nhân có hệ thống phân phối tại biểu số 2 của Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-BCT.”.

Bổ sung Khoản 5a sau Khoản 5 Điều 19 như sau: “5a. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hợp đồng thuê kho, sản lượng xăng dầu nhập, xuất qua kho của thương nhân kinh doanh xăng dầu đi thuê kho xăng dầu trên địa bàn. Trường hợp phát hiện thương nhân có dấu hiệu không sử dụng kho đi thuê theo hợp đồng đã ký, Sở Công Thương kịp thời báo cáo về Bộ Công Thương để phối hợp quản lý.”.

Thông này cũng quy định bãi bỏ Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02/5/2025.

Cao Tuấn Anh, Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Nội vụ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: BAN HÀNH CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LĨNH VỰC PHÁP LUẬT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngày 14/3/2025, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học.

Theo Quyết định, Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học là những yêu cầu chung tối thiểu áp dụng đối với tất cả các chương trình đào tạo của các ngành trình độ đại học (Bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam) thuộc lĩnh vực Pháp luật, bao gồm các yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

Mục đích ban hành của Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học là bảo đảm tính thống nhất trong đa dạng, tính liên thông, phát huy năng lực của các cơ sở đào tạo nhằm tăng cường hội nhập quốc tế của tất cả các chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học tại Việt Nam.

Danh mục thống kê các ngành thuộc lĩnh vực Pháp luật theo quy định hiện hành bao gồm:

Mã ngành	Tên ngành
7380101	Luật
7380102	Luật hiến pháp và luật hành chính
7380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự
7380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự
7380107	Luật kinh tế
7380108	Luật quốc tế

Ngoài các ngành đào tạo được nêu tại danh mục này, những ngành được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thực hiện thí điểm hoặc bổ sung vào danh mục đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực Pháp luật phải thực hiện theo quy định tại Chuẩn chương trình đào tạo này.

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học được cấp bằng Cử nhân.

Mục tiêu của các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật, có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân.

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các quy định về chuẩn đầu ra của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

Về kiến thức: Áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật, bao gồm: Kiến thức về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật, các học thuyết

chính trị - pháp lý; luật hiến pháp, quyền con người; nghề luật và đạo đức nghề luật; lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật; nhóm kiến thức luật hành chính; nhóm kiến thức luật kinh tế, nhóm kiến thức luật quốc tế; nhóm kiến thức luật dân sự, nhóm kiến thức luật hình sự.

Về kỹ năng: Có khả năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả; có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề pháp lý; có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; có năng lực ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành.

Về mức tự chủ và trách nhiệm: Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người, có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; sáng tạo; có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; có khả năng thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi.

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo: Người học các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học phải đáp ứng các yêu cầu: Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm.

Các cơ sở đào tạo quy định chuẩn đầu vào dựa trên các kỳ thi, xét tuyển và các hình thức đánh giá khác, hoặc những yêu cầu cụ thể về kiến thức, năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm đối với người học từng chương trình đào tạo, nhưng phải bảo đảm đánh giá được kiến thức Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn và đạt tối thiểu là 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm.

Khối lượng học tập: Chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học có khối lượng học tập tối thiểu 120 tín chỉ (chưa bao gồm giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành), trong đó kiến thức lý luận chính trị được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các thành phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành bắt buộc trong toàn bộ chương trình đào tạo chiếm tối đa 65% tổng số tín chỉ còn lại.

Đánh giá kết quả học tập: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học theo các cấp độ quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng, thái độ của người học.

Anh Cao, Cổng Thông tin điện tử

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

*** Ban Bí thư Trung ương Đảng:**

Quyết định số 1999-QĐNS/TW về việc chuẩn y bà Võ Thị Minh Sinh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Thủ tướng Chính phủ:**

Quyết định số 618/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tú, Vụ trưởng Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

*** Bộ Tài chính:**

Ông Nguyễn Văn Công, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XVI.

Ông Nguyễn Trần Hiệu, Cục trưởng Cục Hải quan Bình Dương được bổ nhiệm giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XVI.

Ông Đỗ Trung Phương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVI.

*** Bảo hiểm Xã hội Việt Nam:**

Ông Đặng Hồng Tuấn, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh An Giang được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Bảo hiểm Xã hội khu vực IV.

*** Tỉnh Bình Dương:**

Quyết định nghỉ hưu trước tuổi đối với các bà: Lê Thị Mộng Diễm, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; Trần Thị Kim Lan, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Đoàn Thị Hồng Thơm, Phó Giám đốc Sở Y tế; Lê Minh Lý, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh.

*** Tỉnh Tây Ninh:**

Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và cho thôi làm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đối với ông Nguyễn Thành Tâm được điều động, phân công, bổ nhiệm giữ chức Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Trung ương.

Cho thôi làm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đối với ông Nguyễn Thanh Ngọc do được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn/vov.vn